

Số: **3433** /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày **28** tháng **12** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia
năm 2022**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) năm 2022”.

Điều 2. Kinh phí thực hiện kế hoạch xây dựng TCVN trên do các Bộ, ngành xây dựng dự thảo TCVN chủ động cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 cấp cho các Bộ, ngành và các nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ, ngành có liên quan;
- Lưu: VT, TĐC.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Lê Xuân Định



KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN) NĂM 2022
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 2433/QĐ-BKHCN ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
I. <u>BỘ CÔNG AN</u>									
Phòng cháy chữa cháy									
1.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 14: Khí chữa cháy IG55.	ISO 14520-14:2015 Gaseous fire-extinguishing systems - Physical properties and system design - Part 14: IG-55 extinguishant	C07, Bộ Công an	2022	2023			
2.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 15: Khí chữa cháy IG541	ISO 14520-15:2015 Gaseous fire-extinguishing systems - Physical properties and system design - Part 15: IG-541 extinguishant	C07, Bộ Công an	2022	2023			
3.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy bằng bột - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	ISO 14520-15:2015 Gaseous fire-extinguishing systems - Physical properties and system design - Part 15: IG-541 extinguishant EN 12416-2:2001+A1:2007 Fixed firefighting systems - Powder systems - Part 2: Design, construction and maintenance	C07, Bộ Công an	2022	2023			

N

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
4.		Phòng cháy chữa cháy - Xe ô tô cứu nạn, cứu hộ. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	GB 7956.14-2015 Fire fighting vehicles - Part 14:Rescue fire fighting vehicle	C07, Bộ Công an	2022	2023			
5.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy - phần 14: Thiết kế, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng các hệ thống báo cháy trong nhà và xung quanh tòa nhà	Sửa đổi bổ sung TCVN 7568-14:2015 (ISO 7240-14:2013)	C07, Bộ Công an	2022	2023			
6.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống. Phần 13: Khí chữa cháy IG-100	Sửa đổi bổ sung TCVN 7161-13	C07, Bộ Công an	2022	2023			
7.		Phòng cháy chữa cháy - Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Sửa đổi bổ sung TCVN 6379:1998	C07, Bộ Công an	2022	2023			
8.		Phòng cháy chữa cháy - Chất tạo bọt chữa cháy - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật với chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp dùng phun lên bề mặt chất lỏng cháy không hòa tan được với nước	Sửa đổi bổ sung TCVN 7278-1:2003	C07, Bộ Công an	2022	2023			
9.		Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay - Tính năng và cấu tạo	Sửa đổi bổ sung TCVN 7026:2013 (ISO 7165:2009)	C07, Bộ Công an	2022	2023			
10.		Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy có bánh xe - Tính năng và cấu tạo	Sửa đổi bổ sung TCVN 7027:2013 (ISO 11601:2008)	C07, Bộ Công an	2022	2023			
11.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống báo cháy - Phần 1: Quy định chung và định nghĩa	Sửa đổi bổ sung TCVN 7568-1:2006 (ISO 7240-1:2005)	C07, Bộ Công an	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
12.		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 9: Khí chữa cháy HFC-227ea	Sửa đổi bổ sung TCVN 7161-9:2009 (ISO 14520-9:2006)	C07, Bộ Công an	2022	2023			
II. <u>BỘ CÔNG THƯƠNG</u>									
Khoáng sản, luyện kim									
13.		Thiết kế, thi công, nghiệm thu xây dựng giếng đùm trong điều kiện mỏ Việt Nam	Xây dựng mới	Bộ Công Thương	2022	2023			
14.		Quy trình xác định hàm lượng Au trong tinh quặng antimon bằng phương pháp nung luyện và quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F-AAS)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mỏ - Luyện Kim	2022	2023			
15.		Quy trình xác định hàm lượng Sb trong tinh quặng antimon bằng phương pháp chuẩn độ	Xây dựng mới	Viện KHCN Mỏ - Luyện Kim	2022	2023			
16.		Quy trình xác định hàm lượng Ag trong tinh quặng antimon bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F-AAS)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mỏ - Luyện Kim	2022	2023			
17.		Quy trình xác định hàm lượng As trong tinh quặng antimon bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử nguồn plasma cao tần cảm ứng (ICP-OES)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mỏ - Luyện Kim	2022	2023			
18.		Quy trình xác định hàm lượng Pb trong tinh quặng antimon bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử nguồn plasma cao tần	Xây dựng mới	Viện KHCN Mỏ - Luyện Kim	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		cảm ứng (ICP-OES)							
19.		Quy trình xác định hàm lượng Cu trong tinh quặng antimon bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử nguồn plasma cao tần cảm ứng (ICP-OES)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mô - Luyện Kim	2022	2023			
20.		Quy trình xác định hàm lượng Sn trong tinh quặng antimon bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử nguồn plasma cao tần cảm ứng (ICP-OES)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mô - Luyện Kim	2022	2023			
21.		Quy trình xác định hàm lượng Cd trong tinh quặng antimon bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử nguồn plasma cao tần cảm ứng (ICP-OES)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mô - Luyện Kim	2022	2023			
22.		Quy trình xác định hàm lượng Se trong tinh quặng antimon bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử nguồn plasma cao tần cảm ứng (ICP-OES)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mô - Luyện Kim	2022	2023			
23.		Quy trình xác định hàm lượng Bi trong tinh quặng antimon bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử nguồn plasma cao tần cảm ứng (ICP-OES)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mô - Luyện Kim	2022	2023			
24.		Quy trình xác định hàm lượng Au trong xỉ antimon bằng phương pháp chiết dung môi và quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F-AAS)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mô - Luyện Kim	2022	2023			
25.		Quy trình xác định hàm lượng Sb trong xỉ antimon bằng phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử nguồn	Xây dựng mới	Viện KHCN Mô - Luyện Kim	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		plasma cao tần cảm ứng (ICP-OES)							
26.		Quặng tinh thiếc – Phương pháp xác định hàm lượng Chì (Pb) bằng phương pháp hấp thụ nguyên tử (F-AAS)	Xây dựng mới	Viện KHCN Mở - Luyện Kim	2022	2023			
Năng lượng									
27.		Thí nghiệm, nghiệm thu, xác định hiệu suất toàn nhà máy trong nhà máy nhiệt điện	Tham khảo tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài	Hội KHKT Nhiệt Việt Nam	2022	2023			
28.		Thí nghiệm, nghiệm thu, xác định các đặc tính kỹ thuật của lò hơi đốt nhiên liệu trong nhà máy nhiệt điện	Tham khảo tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài	Hội KHKT Nhiệt Việt Nam	2022	2023			
III. <u>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</u>									
Đăng kiểm									
29.		Phương tiện giao thông đường sắt – Hệ thống cửa thân xe	Tham khảo EN 14752: Railway applications. Bodyside entrance systems for rolling stock	Cục Đăng kiểm VN	2022	2023			
30.		Phương tiện giao thông đường sắt – Hệ thống cảnh báo hành khách – Các yêu cầu hệ thống	Tham khảo EN 16334, Railway applications. Passenger Alarm System. System requirements	Cục Đăng kiểm VN	2022	2023			
31.		Phương tiện giao thông đường sắt – Phương pháp thử kết hợp cho các hệ thống kéo	Tham khảo IEC 61377: Railway applications - Rolling stock - Combined test method for	Cục Đăng kiểm VN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			traction systems						
32.		Tiêu chuẩn quốc gia về hệ thống đường ống biển - Quản lý tính toàn vẹn	Tham khảo DNV-RP-F116 Integrity management of submarine pipeline system	Cục Đăng kiểm VN	2022	2023			
33.		Tiêu chuẩn quốc gia về bình chịu áp lực và hệ thống đường ống công nghệ lắp đặt trên phương tiện thăm dò, khai thác và xử lý dầu khí trên biển - Kiểm tra dựa trên cơ sở rủi ro - Phần 1: Phương pháp kiểm tra dựa trên cơ sở phân tích rủi ro.	Tham khảo API 580 Risk-based Inspection	Cục Đăng kiểm VN	2022	2023			
Đường sắt									
34.		Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) – Phần 1: Hồ sơ truyền thông của hệ thống TCN	Tham khảo IEC 61375	Cục Đường sắt Việt Nam	2022	2023			
35.		Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) – Phần 2: Hồ sơ ứng dụng của hệ thống TCN	Tham khảo IEC 61375	Cục Đường sắt Việt Nam	2022	2023			
36.		Thiết bị điện tử đường sắt - Mạng thông tin trên tàu (TCN) – Phần 3: Truyền thông từ mặt đất đến đoàn tàu	Tham khảo IEC 61375	Cục Đường sắt Việt Nam	2022	2023			
37.		Ứng dụng Đường sắt – Lắp đặt cố định – Quy trình, các biện pháp bảo vệ và minh chứng an toàn cho các hệ thống điện kéo	Tham khảo IEC 60562:2018: Railway applications – Fixed installations – Process, protective measures and demonstration of safety for electric traction systems	Trường ĐHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
38.		Ứng dụng Đường sắt – Thiết bị giới hạn điện áp và thiết bị chống sét một chiều – Phần 1: Thiết bị chống sét ô xít kim loại không có khe hở	Tham khảo IEC 62848-1:2016: Railway applications – DC surge arresters and voltage limiting devices – Part 1: Metal-oxide surge arresters without gaps	Trường ĐHCN GTVT	2022	2023			
39.		Ứng dụng Đường sắt – Thiết bị giới hạn điện áp và thiết bị chống sét một chiều – Phần 2: Thiết bị giới hạn điện áp	Tham khảo IEC 61992-2:2014: Railway applications – DC surge arresters and voltage limiting devices – Part 2: Voltage limiting devices	Trường ĐHCN GTVT	2022	2023			
40.		Ứng dụng Đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 1: Yêu cầu chung	Tham khảo IEC 61992-1:2014: Railway applications – Fixed installations – DC switchgear – Part 1: General, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 1: Yêu cầu chung	Viện KHCN GTVT	2022	2023			
41.		Ứng dụng Đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 2: Máy cắt một chiều	Tham khảo IEC 61377:2016: Railway applications – Fixed installations – DC switchgear – Part 2: DC circuit-breakers, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 2: Máy cắt một chiều	Viện KHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
42.		Ứng dụng Đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 3: Thiết bị đóng cắt nối đất, thiết bị đóng cắt - cách ly, thiết bị cách ly một chiều dùng trong nhà	Tham khảo IEC 61992-3:2015: Railway applications – Fixed installations – DC switchgear – Part 3: Indoor d.c. disconnectors, switch-disconnectors and earthing switches, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 3: Thiết bị đóng cắt nối đất, thiết bị đóng cắt - cách ly, thiết bị cách ly một chiều dùng trong nhà	Viện KHCN GTVT	2022	2023			
43.		Ứng dụng Đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 4: Thiết bị đóng cắt nối đất, thiết bị đóng cắt - cách ly, thiết bị cách ly một chiều dùng ngoài trời	Tham khảo IEC 61992-4:2015: Railway applications – Fixed installations – DC switchgear – Part 4: Outdoor d.c. disconnectors, switch-disconnectors and earthing switches, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 4: Thiết bị đóng cắt nối đất, thiết bị đóng cắt - cách ly, thiết bị cách ly một chiều dùng ngoài trời	Viện KHCN GTVT	2022	2023			
44.		Ứng dụng Đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 6: Cụm thiết bị đóng cắt một chiều	Tham khảo IEC 61992-5:2006: Railway applications – Fixed installations – DC	Viện KHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			switchgear – Part 5: Surge arresters and low-voltage limiters for specific use in d.c. systems, Ứng dụng đường sắt – Lắp đặt cố định – Thiết bị đóng cắt một chiều – Phần 6: Cụm thiết bị đóng cắt một chiều						
45.		Ứng dụng Đường sắt - Hệ thống hãm của tàu tốc độ cao - Phần 1: Yêu cầu và định nghĩa	Tham khảo EN 15734-1:2010, Railway applications - Braking systems of high speed trains - Part 1: Requirements and definitions EN 15734-2:2010, Railway applications - Braking systems of high speed trains - Part 2: Test methods		2022	2023			
46.		Ứng dụng Đường sắt - Hệ thống hãm của tàu tốc độ cao - Phần 2: Phương pháp thử nghiệm	Tham khảo EN 15734-1:2010, Railway applications - Braking systems of high speed trains - Part 1: Requirements and definitions EN 15734-2:2010, Railway applications - Braking systems of high speed trains - Part 2: Test methods	Cục Đăng kiểm VN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
47.		Ứng dụng đường sắt – Đĩa hãm trên phương tiện giao thông đường sắt	Tham khảo EN 14535-1:2019 Railway applications. Brake discs for railway rolling stock. Brake discs pressed or shrunk onto the axle or drive shaft, dimensions and quality requirements EN 14535-2:2019 Railway applications. Brake discs for railway rolling stock. Brake discs mounted onto the wheel, dimensions and quality requirements EN 14535-3:2015 Railway applications. Brake discs for railway rolling stock. Brake discs, performance of the disc and the friction couple, classification	Cục Đăng kiểm VN	2022	2023			
48.		Ứng dụng đường sắt – Hãm – Thiết bị thay đổi rỗng tải	Tham khảo EN 15624: Railway applications – Braking – Empty-loaded changeover devices	Cục Đăng kiểm VN	2022	2023			
49.		Ứng dụng đường sắt – Đo kích thước toa xe hàng mới và hoán cải	Tham khảo EN 13775-1:2003 Railway applications - Measuring of new and modified freight wagons - Part 1: Measuring principles EN 13775-2:2003 Railway applications - Measuring of	Cục Đăng kiểm VN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			new and modified freight wagons - Part 2: Freight wagons with bogies EN 13775-3:2003 Railway applications - Measuring of new and modified freight wagons - Part 3: Freight wagons with 2 wheelsets EN 13775-4:2004 Railway applications - Measuring of new and modified freight wagons - Part 4: Bogies with 2 wheelsets EN 13775-5:2004 Railway applications - Measuring of new and modified freight wagons - Part 5: Bogies with 3 wheelsets EN 13775-6:2004 Railway applications - Measuring of new and modified freight wagons - Part 6: Multiple and articulated freight wagons						
50.		Giao diện người dùng trong hệ thống điều khiển chạy tàu bằng thông tin liên lạc (CBTC)	Tham khảo -IEEE 1474.1-2004 -IEEE 1474.3-2008 -IEEEStd 1475TM-1999 -IEEEStd 1478TM-2001	Cục ĐSVN	2022	2023			
51.		Ứng dụng đường sắt - Đường ray - Chất lượng hình học đường ray. Phần 1: Đặc trưng hình học đường ray	Tham khảo EN 13848-1 Railway applications - Track - Track geometry quality - Part 1:	Cục Đường sắt VN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Characterisation of track geometry						
52.		Ứng dụng đường sắt - Đường ray - Phần 2: Hệ thống đo đạc - Xe ghi số liệu đo đạc đường ray	Tham khảo EN 13848-2 Railway applications - Track - Track geometry quality - Part 2: Measuring systems - Track recording vehicles	Cục Đường sắt VN	2022	2023			
53.		Ứng dụng đường sắt - Đường ray - Phần 3: Hệ thống đo đạc - Thiết bị thi công và bảo trì đường ray	Tham khảo EN 13848-3 Railway applications - Track - Track geometry quality - Part 3: Measuring systems - Track construction and maintenance machines	Cục Đường sắt VN	2022	2023			
54.		Ứng dụng đường sắt - Đường ray - Phần 4: Hệ thống đo đạc - Thiết bị đo thủ công và nhẹ	Tham khảo EN 13848-4 Railway applications - Track - Track geometry quality - Part 4: Measuring systems - Manual and lightweight devices	Cục Đường sắt VN	2022	2023			
55.		Ứng dụng đường sắt - Đường ray - Phần 5: Mức chất lượng hình học - Tuyến bình thường	Tham khảo EN 13848-5 Railway applications - Track - Track geometry quality - Part 5: Geometric quality levels - Plain line	Cục Đường sắt VN	2022	2023			
56.		Ứng dụng đường sắt - Đường ray - Phần 6: Đặc trưng chất lượng hình học đường ray	Tham khảo EN 13848-6 Railway applications - Track - Track geometry quality - Part 6: Characterisation of track	Cục Đường sắt VN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			geometry quality						
57.		Ứng dụng đường sắt – Đường ray - Kiểm tra ray bằng phương pháp không phá hủy	Tham khảo BS EN 16729	Cục Đường sắt VN	2022	2023			
58.		Ứng dụng Đường sắt - Đường sắt đô thị- Tiêu chuẩn nghiệm thu kết cấu tầng trên đường sắt	Tham khảo Tiêu chuẩn Châu Âu và Trung Quốc về kết cấu tầng trên đường sắt	Cục Đường sắt VN	2022	2023			
59.		Đường sắt tiêu chuẩn khổ đường 1435mm – Thiết kế - Thiết kế ga và đầu mối	Tham khảo Tiêu chuẩn gốc GB 50091-2006	Cục Đường sắt VN	2022	2023			
Đường bộ									
60.		Son tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang băng keo - Quy định kỹ thuật	Tham khảo ASTM D4505 - 05, "Standard Specification for Preformed Retroreflective Pavement Marking Tape Extended Service Life".	Trường ĐHCN GTVT	2022	2023			
61.		Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS - Phần 1: Yêu cầu đối với dữ liệu ITS	Tham khảo - ISO 14817-2: Intelligent transport systems —ITS central data dictionaries — Part 2: Governance of the Central ITS Data Concept Registry; - ETSI TS 102 894-2 V1.2: Intelligent Transport Systems (ITS); Users and applications requirements; Part 2: Applications and facilities layer common data dictionary	Tổng cục ĐB VN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
62.		Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS – Phần 2: Đăng ký dữ liệu trung tâm ITS	Tham khảo - ISO 14817-2: Intelligent transport systems —ITS central data dictionaries — Part 2: Governance of the Central ITS Data Concept Registry; ETSI TS 102 894-2 V1.2: Intelligent Transport Systems (ITS); Users and applications requirements; Part 2: Applications and facilities layer common data dictionary.	Tổng cục ĐB VN	2022	2023			
63.		Hệ thống giao thông thông minh – Từ điển dữ liệu trung tâm ITS – Phần 3: Gán mã định danh đối tượng cho các khái niệm dữ liệu ITS	Tham khảo ISO 14817-3: Intelligent transport systems —ITS central data dictionaries — Part 3: Object identifier assignments for ITS data concepts;	Tổng cục ĐB VN	2022	2023			
64.		Hệ thống thu phí điện tử – Khung bảo mật dữ liệu thu phí.	Tham khảo -ISO 19299:2020 Electronic fee collection — Security framework - ISO 12813, Electronic fee collection — Compliance check communication for autonomous systems	Tổng cục ĐB VN	2022	2023			
65.		Gối chỏm cầu – Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	Tham khảo ASTM D5977 – Standard Specification for High Load	Viện KHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Rotational Spherical Bearings for Bridges and Structures						
66.		Mặt đường bê tông nhựa nóng - Phát triển kế hoạch đảm bảo chất lượng	<p>Tham khảo</p> <p>1. AASHTO R42-06 (2011), Developing a Quality Assurance plan for Hot Mix Asphalt (Phát triển kế hoạch đảm bảo chất lượng cho bê tông nhựa nóng);</p> <p>2. AASHTO R9 - Standard Practice for Acceptance Sampling Plans for Highway Construction (Phương pháp tiêu chuẩn cho Kế hoạch lấy mẫu nghiệm thu xây dựng đường bộ);</p> <p>3. AASHTO R10 - Standard Practice for Definition of Terms Related to Quality and Statistics as Used in Highway Construction (Phương pháp tiêu chuẩn để định nghĩa các thuật ngữ liên quan đến chất lượng và thống kê sử dụng trong xây dựng đường bộ);</p> <p>4. Florida Department of Transportation (2016), Standard Specifications for</p>	Viện KHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Road and Bridge Construction, FDOT, January 2016; 5. Texas Department of Transportation (2014), Standard Specifications for Construction and Maintenance of Highways, Streets, and Bridges; 6. U.S. Department of Transportation, Federal Highway Administration (2014), Standard Specifications for Construction of Roads and Bridges on Federal Highway Projects, FP-14; 7. JTGF40-2004 (2004), Technical Specifications for construction of Highway Asphalt Pavements, China						
67.		Bê tông nhựa – Phương pháp thử xác định độ sâu lún vết bánh xe bằng thiết bị Wheel Tracking	Tham khảo + AASHTO T 324-19, Standard Method of Test for Hamburg Wheel-Track Testing of Compacted Hot Mix Asphalt (HMA) + BS EN 12697-22:2020, Bituminous mixtures. Test methods. Wheel tracking. + Tiêu chuẩn Nhật Bản: JRA2007, Pavement	Viện KHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Construction and Design Committee, Japan Road Association + Tiêu chuẩn Trung Quốc: T0719 "Bituminous Mixture Wheel Track Test"						
68.		Trạm trộn bê tông nhựa nóng – Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo + AASHTO M 156-13 (2017), Standard Specification for Requirements for Mixing Plants for Hot-Mixed, Hot-Laid Bituminous Paving Mixtures + ASTM B 995-95b, Standard Specification for Mixing Plants for Hot-Mixed, Hot-Laid Bituminous Paving Mixtures	Viện KHCN GTVT	2022	2023			
69.		Bê tông nhựa nóng – Phương pháp thử	Tham khảo + AASHTO T 245, 2015 Edition (Reapproved 2019) - Standard Method of Test for Resistance to Plastic Flow of Asphalt Mixtures Using Marshall Apparatus; + ASTM D6927-15, Standard Test Method for Marshall Stability and Flow of Asphalt Mixtures; + AASHTO T164-14 Standard Method of Test	Viện KHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			<p>for Quantitative Extraction of Asphalt Binder from Hot-Mix Asphalt (HMA); + ASTM D2172 / D2172M-17e1, Standard Test Methods for Quantitative Extraction of Asphalt Binder from Asphalt Mixtures; + AASHTO T209, 2020 Edition, Standard Method of Test for Theoretical Maximum Specific Gravity (G mm) and Density of Asphalt Mixtures; + AASHTO T166, 2016 Edition, Standard Method of Test for Bulk Specific Gravity (G mb) of Compacted Asphalt Mixtures Using Saturated Surface-Dry Specimens; + AASHTO T275, 2017 Edition, Standard Method of Test for Bulk Specific Gravity (Gmb) of Compacted Asphalt Mixtures Using Paraffin-Coated Specimens; + AASHTO T 331, 2013 Edition Standard Method of Test for Bulk Specific Gravity (Gmb) and Density</p>						

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			<p>of Compacted Hot Mix Asphalt (HMA) Using Automatic Vacuum Sealing Method;</p> <p>+ AASHTO T176-2017, Standard Method of Test for Plastic Fines in Graded Aggregates and Soils by Use of the Sand Equivalent Test</p> <p>+ TCVN 8860 1÷12:2011 “Bê tông nhựa – Phương pháp thử”</p> <p>+ Mặt đường bê tông nhựa nóng – Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu (TCVN 8819:2011 sửa đổi)</p>						
70.		Đất xây dựng công trình giao thông – Phương pháp thử	<p>Tham khảo AASHTO M 145 “Standard Specification for Classification of Soils and Soil–Aggregate Mixtures for Highway Construction Purposes”</p> <p>+ ASTM D3282 - 15 “Standard Practice for Classification of Soils and Soil-Aggregate Mixtures for Highway Construction Purposes”</p> <p>+ AASHTO T 27- 2020 “Standard Method of Test for Sieve Analysis of Fine</p>	Viện KHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			<p>and Coarse Aggregates” + AASHTO T 11 -2020 “Standard Method of Test for Materials Finer Than 75-μm (No. 200) Sieve in Mineral Aggregates by Washing” + ASTM D4318 - 17e1 “Standard Test Methods for Liquid Limit, Plastic Limit, and Plasticity Index of Soils”; + ASTM D2419 - 14 “Standard Test Method for Sand Equivalent Value of Soils and Fine Aggregate”</p>						
71.		Hỗn hợp đá trộn nhựa – Phương pháp trộn mẫu hỗn hợp nóng trong phòng thí nghiệm	<p>Tham khảo + Hệ thống tiêu chuẩn AASHTO và ASTM hiện chưa ban hành tiêu chuẩn hướng dẫn phương pháp trộn mẫu hỗn hợp bê tông nhựa nóng trong phòng thí nghiệm. + Biên soạn theo tài liệu Tiêu chuẩn quốc tế BS EN 12697-35:2004 Bituminous mixtures – Test methods for hot mix asphalt – Part 35: Laboratory mixing (Hỗn hợp đá trộn nhựa – Phương pháp thử đối với hỗn hợp trộn nóng – Phần</p>	Viện KHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			35: Pha trộn trong phòng thí nghiệm)						
72.		Hỗn hợp bê tông nhựa nóng – Giảm kích thước mẫu phù hợp với điều kiện thử nghiệm	Tham khảo AASHTO R47 Standard Practice for Reducing Samples of Hot Mix Asphalt (HMA) to Testing Size	Viện KHCN GTVT	2022	2023			
73.		Thiết kế Cầu đường sắt theo trạng thái giới hạn	Tham khảo Cập nhật phiên bản mới nhất của Nga	Cục Đường sắt VN	2022	2023			
74.		Mặt đường láng nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu	Soát xét, sửa đổi TCVN 8863 : 2011	Tổng cục ĐB VN	2022	2023			
75.		Đường cứu nạn ô tô – Yêu cầu thiết kế	Soát xét, sửa đổi TCVN 8810:2011	Tổng cục ĐB VN	2022	2023			
76.		Khe co giãn dạng ray đơn – Yêu cầu kỹ thuật và thi công	Tham khảo + Bridge Joint Association - Standard for Mechanical Expansion joints (Tiêu chuẩn khe co giãn cơ khí của Hiệp hội khe co giãn cầu, Châu Âu); + Britflex BEJ Expansion Joints, USL BridgeCare, Anh quốc.	Tổng cục ĐB VN	2022	2023			
77.		Thủ tải công trình cầu đường bộ	Tham khảo Manual for bridge evaluation 2018, AASHTO	Viện KHCN GTVT	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			NHCRP-98-Manual for bridge rating through load testing ISO 14963:2003 Mechanical vibration and shock guidelines for dynamic tests and investigations on bridge and viaducts ISO 18649:2004 Mechanical vibration – Evaluation of measurement from dynamic tests and investigations on bridge and viaducts						
78.		Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu tường chắn đất có cốt trong xây dựng công trình	Tham khảo AASHTO LRFD Bridge design specifications 2012, FHWA-NHI-10-024 Design and Construction of Mechanically stabilized earth wall.	Trường ĐHCN GTVT	2022	2023			
Hàng hải									
79.		Phân loại các Đài Thông tin duyên hải trong Hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam	Xây dựng mới	Cục HH VN	2022	2023			
80.		Phương pháp tính toán, xác định tầm hiệu lực của báo hiệu hàng hải	Xây dựng mới	Cục HH VN	2022	2023			
Đường thủy									
81.		Luồng đường thủy nội địa – Yêu cầu thiết kế công trình chính trị	Xây dựng mới Tham khảo TCCS04:2014/CĐTND	Cục Đường thủy nội địa VN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			“Tiêu chuẩn thiết kế công trình chỉnh trị luồng đường thủy nội địa”						
IV. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN									
Bảo vệ thực vật									
82.		Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với vòi voi đục quả mận <i>Conotrachelus nenuphar</i> (Herbst)	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Tiêu chuẩn quốc tế số 27 về quy trình giám định dịch hại thuộc diện điều chỉnh (Diagnostic protocols for regulated pests, 2006) DP 28: <i>Conotrachelus nenuphar</i> TCVN 12709-1:2019. Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2022	2023			
83.		Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với rệp sáp vảy đỏ Tây Ấn <i>Selenaspidus articulatus</i> (Morgan)	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Tiêu chuẩn quốc tế số 27 về quy trình giám định dịch hại thuộc diện điều chỉnh (Diagnostic protocols for regulated pests, 2006) CABI, 2021. Crop protection compendium. PaDIL, 2021. Australia pest and diseases image library. TCVN 12709-1:2019 Quy	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung						
84.		Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với Ngài đục quả mận <i>Grapholita funebrana</i> Treitschke, Ngài hại quả phương Đông <i>Grapholita molesta</i> Busck, Ngài hại quả anh đào <i>Grapholita packardi</i> Zeller và Ngài hại mận <i>Grapholita prunivora</i> Walsh	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo ISPM 27 Diagnostic protocols for regulated pests. DP 28: <i>Conotrachelus nenuphar</i> TCVN 12709-1:2019. Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2022	2023			
85.		Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với ngài cải bắp <i>Mamestra brassicae</i> Linnaeus	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo ISPM 27 Diagnostic protocols for regulated pests. DP 28: <i>Conotrachelus nenuphar</i> TCVN 12709-1:2019. Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung	Trung tâm Giám định kiểm dịch thực vật	2022	2023			
86.		Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với loài ruồi đục quả <i>Bactrocera correcta</i> Bezzi	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Tiêu chuẩn quốc tế số 27 (ISPM 27) về quy trình giám định dịch hại thuộc diện điều chỉnh (Diagnostic Protocols for regulated pests, 2006). TCVN 12709-1:2019. Quy trình giám định côn trùng và nhện gây hại thực vật.	Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu 2	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Phần 1: Yêu cầu chung						
87.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với virus ToBRFV (<i>Tomato Brown Rugose Fruit Virus</i>)	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo CABI, 2021. Tomato brown rugose fruit virus TCVN 12371-1:2019: Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật, Phần 1: Yêu cầu chung	Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu 2	2022	2023			
88.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với virus TRSV (<i>Tobacco Ringspot Virus</i>)	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Tobacco ringspot virus 2.6. Yang W, Yun Z, Chen Z, Zhang G & Wu S (2007) Detection of Tobacco ringspot virus by RT-real-time PCR. Acta Phytopathologica Sinica 34, 157-160. TCVN 12371-1:2019: Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung	Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu 2	2022	2023			
89.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2-...: Yêu cầu cụ thể đối với virus ToRSV (<i>Tomato Ringspot Virus</i>)	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Tomato ringspot nepovirus OEPP/EPPO (1991) EPPO Standards PM 3/32, Tomato ringspot nepovirus in fruit tree and grapevine – inspection and test	Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu 2	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			methods. Bulletin OEPP/EPPO Bulletin 21, 245–250. TCVN 12371-1:2019: Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật. Phần 1: Yêu cầu chung						
90.		Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật. Phần 2-....: Yêu cầu cụ thể đối với virus gây bệnh khảm lá sắn <i>Sri Lankan cassava mosaic virus</i> (SLCMV)	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12371-1:2019 “Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây bệnh thực vật – Phần 1: Yêu cầu chung”. 2. Ayaka Uke, Sophary Khin, Kengo Kitaura, Masashi Ugaki and Keiko T. Natsuaki, 2019. Combination of an image-posting system and molecular	Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu I	2022	2023			
Phân bón									
91.		Phân bón - Xác định polyphenol bằng phương pháp đo quang	Xây dựng mới Tham khảo TCVN 9745-1:2013 : Chè -Phần 1: Hàm lượng polyphenol tổng số trong chè - phương pháp đo màu dùng thuốc thử Folin-Ciocalteu. Dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học, thực tiễn của cơ sở và thử nghiệm trên nền phân bón	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			tại các phòng thử nghiệm phân bón.						
92.		Phân bón - Xác định Myo - Inositol bằng phương pháp sắc ký lỏng	Xây dựng mới Tham khảo TCVN 11912:2017: Thức ăn dành cho trẻ sơ sinh và thực phẩm dành cho người lớn, xác định Myo-Inositol bằng phương pháp sắc ký lỏng và đo ampe xung. Dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học, thực tiễn của cơ sở và thử nghiệm trên nền phân bón tại các phòng thử nghiệm phân bón.	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2022	2023			
93.		Phân bón - Xác định các nguyên tố đất hiếm bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasma (ICP)	Xây dựng mới, tham khảo TCVN 9918:2013: Đất, đá, quặng nhôm – Xác định đồng thời 36 nguyên tố - PP ICP-OES. TCCS: Xác định hàm lượng 16 nguyên tố đất hiếm: Sc, Y,La,Ce,Pr,Nd,Sm,Eu,Gd, Tb,Dy,Ho,Er,Tm,Yb,Lu-PP khối phổ plasma cảm ứng (ICP-MS) của Viện CN xạ hiếm	Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp	2022	2023			
94.		Phân bón - Xác định hàm lượng Vitamin K bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới, Determination of the content of vitamin K, in complex vitamin preparations by the HPLC method-gabriela clackow	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc BVTV phía Bắc	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			and elzbieta I.anuszezwska Avalidated HPLC method for the determination of the viatmin K in human serum – the open clinical chemistry journal.2011.4,17-27						
95.		Phân bón - Xác định hàm lượng Vitamin B7 bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Xây dựng mới, The qualitative and quantitative analysis of water soluble B vitamins by HPLC –PDA in various multivitamin tablets perkinElmer.Inc Analisis biotin (vitamin B7) and folic acid (vitamin B9) – a focus on immunosensor development with liposamal amlification –Ja-an annie Ho...	Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc BVTV phía Bắc	2022	2023			
96.		Phân bón - Phát hiện và định lượng <i>Bacillus pumilus</i> bằng phương pháp Realtime PCR	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Xu, Y., Zhao, X., He, T. et al. RNA sequencing reveals small RNAs in <i>Bacillus pumilus</i> under different growth phases of the protease fermentation process. Appl Microbiol Biotechnol 104, 833–852 (2020). TCVN 12105:2018: Tiêu chuẩn này quy định pp lấy mẫu để phân tích vi	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			sinh vật hiếu khí và các chỉ tiêu lý hóa trong phân bón có chứa vi sinh vật, bao gồm phân bón vi sinh vật, phân bón hữu cơ vi sinh						
97.		Phân bón - Phát hiện và định lượng <i>Lactobacillus</i> spp. bằng phương pháp Realtime PCR	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Kurbakov KA, Konorov EA, Minaev MY, Kuznetsova OA. Multiplex Real-Time PCR with HRM for Detection of <i>Lactobacillus sakei</i> and <i>Lactobacillus curvatus</i> in Food Samples. Food Technol Biotechnol. 2019 Mar	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	2023			
98.		Phân bón - Phát hiện và định lượng <i>Bacillus subtilis</i> bằng phương pháp phân tích trình tự gen	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Irena NĚMEČKOVÁ, Kateřina SOLICHOVÁ, Petr ROUBAL, Barbora UHROVÁ3 and Eva ŠVIRÁKOVÁ (2011). Methods for Detection of <i>Bacillus</i> sp., <i>B. cereus</i> , and <i>B. licheniformis</i> in Raw Milk. Czech J. Food Sci. Vol. 29, Special Issue: S55–S60	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2022	2023			
99.		Phân bón - Phát hiện và định lượng <i>Bacillus thuringiensis</i> bằng phương pháp phân tích trình tự gen	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Jyothi Sharma and Priya Iye. (2018). Isolation and Identification	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			of <i>Bacillus thuringiensis</i> and Corroborate Its Insecticidal Property. Jyothi Sharma and Priya Iyer, J Agri Sci Food Res. TCCS 09:2020/BVTV. Thuốc bảo vệ thực vật – pp xác định vi khuẩn <i>Bacillus thuringiensis</i>						
100.		Phân bón - Phát hiện và định lượng <i>Saccharomyces spp.</i> bằng phương pháp phân tích trình tự gen	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Beuchat, L.R. Media for detecting and enumerating yeasts and moulds (2003) Handbook of culture media for food microbiology, pp. 369-386. (Progress in industrial microbiology, Vol 37). TCVN 8275-2:2010(ISO 21527-2:2008) tiêu chuẩn này quy định phương pháp định lượng nấm men ưa ẩm thấu còn sống và nấm mốc ưa khô	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2022	2023			
101.		Phân bón - Phát hiện và định lượng Vi sinh vật phân giải kali bằng phương pháp phân tích trình tự gen	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo Nakano M. Development of a multiplex real-time PCR assay for the identification and quantification of group-specific <i>Bacillus spp.</i> and the genus <i>Paenibacillus</i> . Int J Food Microbiol. 2020 Jun	Viện Công nghệ sinh học	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			16;323:108573. TCVN 7185: 2002 Tiêu chuẩn áp dụng cho các loại phân hữu cơ bón vào đất, có chứa vi sinh vật được tuyển chọn						
102.		Phân bón - Phát hiện và định lượng <i>Streptomyces</i> spp. bằng phương pháp phân tích trình tự gen	Xây dựng mới, dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm, nhu cầu khả năng thực tiễn của cơ sở TCVN 12105:2018 -Tiêu chuẩn này quy định phương pháp lấy mẫu để phân tích vi sinh vật hiếu khí và các chỉ tiêu lý hóa trong phân bón có chứa vi sinh vật, bao gồm phân bón vi sinh vật, phân bón hữu cơ vi sinh	Viện Công nghệ sinh học	2022	2023			
Chăn nuôi									
103.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng Cyanuric acid, Melamine - phương pháp sắc ký lỏng - khối phổ hai lần (LC-MS/MS)	Tham khảo Byungchul Kim, 2009, Phân tích Melamine và Axit Cyanuric bằng phương pháp sắc ký lỏng nhận diện dãy diode và khối phổ Tandem, Đại học Maine; - Hildburg Fry, Kerstin Mietle, Eileen Mähner, Sebastian Zinke, Mandy	Cục Chăn nuôi	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			<p>Schwieters, Emanuele Pydde & Angelika Preiß-Weigert, 2017, Công nhận thử nghiệm liên phòng đối với phương pháp LC-MS/MS để xác định melamine và axit cyanuric trong thức ăn chăn nuôi, tạp chí Phụ gia thực phẩm & Chất gây ô nhiễm, Phần A.</p> <p>1). Xusheng Ge, Hanwen Sun, Xingqiang Wu, Shuxuan Liang, Ming Su, 2016, Phân tích dư lượng dicyandiamide, cyromazine và melamine trong thực phẩm mô động vật bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tạp chí Phân tích thực phẩm và thuốc số 24, trang 579-585;</p> <p>2). E. Braekevelt, B.P.-Y. Lau, S. Feng, C. Menard and S.A. Tittlemier, 2010, Định lượng melamine, ammeline, ammelide và axit cyanuric trong sữa bột dành cho trẻ sơ sinh ở Canada bằng phương pháp sắc ký lỏng-khối phổ 2 lần, tạp chí Phụ gia thực phẩm và chất gây ô nhiễm, Vol. 28, số 6, tháng 6 năm 2011;</p> <p>3) Hildburg Fry, Kerstin</p>						

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Mietle, Eileen Mähnert, Sebastian Zinke, Mandy Schwieters, Emanuele Pydde & Angelika Preiß-Weigert, 2017, Công nhận thử nghiệm liên phòng đối với phương pháp LC-MS/MS để xác định melamine và axit cyanuric trong thức ăn chăn nuôi, tạp chí Phụ gia thực phẩm & Chất gây ô nhiễm, Phần A						
104.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng Ammelide, Dicyandiamide - phương pháp sắc ký lỏng - khối phổ hai lần (LC-MS/MS)	Xây dựng mới E. Braekevelt, B.P.-Y. Lau, S. Feng, C. Menard and S.A. Tittlemier, 2010, Định lượng melamine, ammeline, ammelide và axit cyanuric trong sữa bột dành cho trẻ sơ sinh ở Canada bằng phương pháp sắc ký lỏng-khối phổ 2 lần, tạp chí Phụ gia thực phẩm và chất gây ô nhiễm, Vol. 28, số 6, tháng 6 năm 2011; Fanny Fu and André Schreiber, AB SCIEX Concord, Ontario, 2013, Phương pháp phân tích LC-MS/MS đối với các chất gây ô nhiễm thực phẩm mới: Định lượng và xác định Dicyandiamide trong sữa và các loại thực	Cục Chăn nuôi	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			phẩm giàu protein khác, tạp chí Thực phẩm và môi trường, AB Sciex						
105.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng nitrat và nitrit - Phương pháp đo màu	Xây dựng mới Tham khảo AOAC 968.07 Nitrogen (Nitrate and Nitrite) in Animal Feed Colorimetric Method	Viện Chăn nuôi	2022				
106.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định ure và nitơ amoniac	Xây dựng mới Tham khảo AOAC 941.04 Urea and Ammoniacal Nitrogen in Animal Feed. Urease Method	Viện Chăn nuôi	2022				
107.		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng tro không tan trong HCl	Soát xét TCVN 9474-2012	Viện Chăn nuôi	2022				
108.		Quy trình kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi để làm giống. Phần xx - bò đực giống	Xây dựng mới Tham khảo tiêu chuẩn xuất khẩu di truyền gia súc Úc và Quy trình Chứng nhận Đảm bảo Chất lượng; Kết quả của đề tài cấp Nhà nước "Nghiên cứu kiểm tra, đánh giá và chọn lọc bò đực giống Holstein Friesian qua đời sau" giai đoạn (2009-2013) và đề tài cấp Bộ "Nghiên cứu đánh giá, tuyển chọn bò đực giống tại Moncada để sản xuất tinh đông lạnh phục vụ công tác giống bò Việt	Trung tâm Giống Gia súc lớn Trung ương, Viện Chăn nuôi	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			<i>Nam" giai đoạn (2009-2013); Kết quả khảo sát trong thực tế</i>						
109.		Quy trình kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi để làm giống. Phần xxx - dê đực giống	Xây dựng mới Các kết quả nghiên cứu về khối lượng cơ thể các giống dê tại thời điểm sơ sinh, 12 và 24 tháng tuổi khác nhau ở các nghiên cứu khác nhau (Đình Văn Bình, 1994; Đình Văn Bình và Nguyễn Ngọc Anh, 2010; Phạm Trọng Bảo và cs., 2008); Kết quả theo dõi từ thực tế sản xuất.	Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây, Viện Chăn nuôi	2022	2023			
110.		Quy trình kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi để làm giống. Phần xxx - thỏ đực giống	Xây dựng mới Kết quả theo dõi từ thực tế sản xuất	Trung tâm Nghiên cứu Dê và Thỏ Sơn Tây, Viện Chăn nuôi	2022	2023			
111.		Quy trình kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi để làm giống. Phần xxx - trâu đực giống	Xây dựng mới Kết quả theo dõi từ thực tế sản xuất	Trung tâm Nghiên cứu và PTCN miền núi, Viện Chăn nuôi	2022	2023			
112.		Quy trình kiểm tra năng suất cá thể vật nuôi để làm giống. Phần xxx - ngựa đực giống	Xây dựng mới Nghiên cứu chọn lọc và lai tạo giống ngựa địa phương với giống ngựa Cabardin phục vụ dân sinh và quốc phòng Giai đoạn 1999 - 2003. Đề tài độc lập cấp Nhà Nước; <i>Nghiên cứu lai</i>	Trung tâm Nghiên cứu và PTCN miền núi, Viện Chăn nuôi	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			<i> tạo nhóm ngựa lai phục vụ thể thao, du lịch" Giai đoạn 2006 - 2010. Đề tài cấp Bộ; "Nghiên cứu chọn tạo một số nhóm ngựa lai phục vụ sản xuất và đời sống" Giai đoạn 2012- 2014. Đề tài cấp Bộ, Kết quả theo dõi từ thực tiễn sản xuất</i>						
113.		Chó H'Mông cộc đuôi – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học: Đề tài nghiên cứu cấp nghị định thư “ <i>Ứng dụng công nghệ gen trong công tác chọn lọc giống chó bản địa H'mông cộc đuôi</i> ”.	Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Bộ Quốc phòng	2022	2023			
114.		Chó Lài sông Mã – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước “ <i>Nghiên cứu lựa chọn và huấn luyện giống chó bản địa Dạng sói phục vụ tìm kiếm, phát hiện bom mìn còn lại sau chiến tranh tại Việt Nam</i> ” mã số đề tài: ĐTDLCN.24/16, Một số đặc điểm hành vi của giống chó bản địa dạng sói trong lựa chọn huấn luyện nghiệp vụ (6/2019 tạp chí KHKH	Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Bộ Quốc phòng	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Chăn nuôi); Đặc điểm đa hình vùng D-loop của giống chó dạng sói ứng dụng trong công tác chọn giống (7/2019 tạp chí KHKH Chăn nuôi); Kết quả khảo sát trên thực trên địa bàn một số tỉnh lưu vực sông Mã.						
115.		Thực hành nông nghiệp tốt. Phần 3: Chăn nuôi	AseanGAHP đối với vật nuôi, QĐ số 4653/2015/QĐ-BNNPTNT về VietGAHP	Cục Chăn nuôi	2022	2023			
116.		Quy trình khảo nghiệm, kiểm định sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Xây dựng mới Báo cáo hoạt động khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trong thực tiễn	Cục Chăn nuôi	2022	2023			
Thú y									
117.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh thiếu máu truyền nhiễm ở gia cầm (CAV).	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo ASEAN, TCCS	TT Kiểm nghiệm thuốc thú y TWI	2022	2023			
118.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh Parvo ở lợn.	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo ASEAN, TCCS						
119.		Quy trình kiểm nghiệm vắc xin – Vắc xin phòng bệnh E.coli phù đầu ở lợn	Xây dựng mới, trên cơ sở tham khảo OIE, ASEAN, CFR						
120.		Quy trình chẩn đoán bệnh viêm đa khớp (bệnh Glasser's) ở lợn.	V. J. Rapp-Gabrielson, S. R. Oliveira, C. Pijoan,	Trung tâm Chẩn đoán Thú y	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			2008. <i>Diseases of swine, Chapter 40: Haemophilus parasuis. 12th Edition, Blackwell Publishing, p. 681–692</i>	Trung ương					
121.		Phúc lợi động vật đối với gia súc trong chăn nuôi tại Việt Nam	Xây dựng mới, tham khảo OIE - Terrestrial Animal Health Code 2017; Australian Animal Welfare Standards and Guidelines; European Union Laws for the Protection of animals; USA: Animal welfare Act; Animal welfare Regulation; Các tài liệu liên quan đến phúc lợi động vật khác.	Cục Thú y	2022	2023			
122.		Phúc lợi động vật đối với gia súc trong quá trình vận chuyển tại Việt Nam	Xây dựng mới, tham khảo OIE - Terrestrial Animal Health Code 2017; Australian Animal Welfare Standards and Guidelines; European Union Laws for the Protection of animals; USA: Animal welfare Act; Animal welfare Regulation; Các tài liệu liên quan đến phúc lợi động vật khác.	Cục Thú y	2022	2023			
123.		Phúc lợi động vật tại cơ sở giết mổ động vật tại Việt Nam	Xây dựng mới, tham khảo OIE - Terrestrial Animal Health Code 2017;	Cục Thú y	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			Australian Animal Welfare Standards and Guidelines; European Union Laws for the Protection of animals; USA: Animal welfare Act; Animal welfare Regulation; Các tài liệu liên quan đến phúc lợi động vật khác.						
Thủy sản									
124.		Nước nuôi trồng thủy sản: Nuôi cá tra thâm canh – Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới, tham khảo QCVN 08-MT:2015/BTNMT; QCVN 02-22:2015/BNNPTNT	Phân viện Nghiên cứu Hải sản phía Nam - Viện Nghiên cứu Hải sản	2022	2023			
125.		Thiết bị khai thác thủy sản – Lưới mảnh – Thông số kích thước cơ bản.	Kết quả nghiên cứu của các đề tài, công trình nghiên cứu liên quan đến nghề mảnh; Điều tra, khảo sát bổ sung nghề lưới mảnh	Viện Nghiên cứu Hải sản	2022	2023			
126.		Thiết bị khai thác thủy sản – Lưới vây cá cơm – Thông số kích thước cơ bản.	Kết quả nghiên cứu của các đề tài, công trình nghiên cứu về nghề lưới vây cá; Điều tra, khảo sát bổ sung nghề lưới vây cá cơm	Viện Nghiên cứu Hải sản	2022	2023			
127.		Giống cua biển – Yêu cầu kỹ thuật	Kết quả nghiên cứu về đặc điểm sinh học, quy trình sinh sản	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
128.		Hầm bảo quản trên tàu cá - Yêu cầu kỹ thuật	Kết quả, kinh nghiệm thực tiễn quản lý, triển khai dự án và triển khai thi công chế tạo, lắp đặt hầm bảo quản bằng vật liệu PU trên tàu cá xa bờ các tỉnh trong cả nước từ năm 2010 đến nay; Các tài liệu nghiên cứu về nguồn gốc, cấu tạo, ứng dụng vật liệu (polyurethane foam; composite) trong nghề cá; giải pháp trong bảo quản lạnh trong hầm bảo quản trên tàu cá; QCVN 02-13:2009/BNN	Trung tâm Khuyến nông quốc gia	2022	2023			
129.		Chất lượng sản phẩm kích dục tố cho cá đẻ (HCG) – Yêu cầu kỹ thuật	Thực tiễn sản xuất sản phẩm kích dục tố cho cá đẻ; Các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước về sản phẩm kích dục tố cho cá đẻ	Vụ Nuôi trồng thủy sản - Tổng cục Thủy sản	2022	2023			
130.		Cảng cá - Yêu cầu chung	Xây dựng mới	Vụ Khai thác - Tổng cục Thủy sản	2022	2023			
131.		Phương pháp cảm quan đánh giá chất lượng mực ống.	Xây dựng mới, tham khảo TCVN 5277-90, kết quả nghiên cứu	Viện Nghiên cứu Hải sản	2022	2023			
Nông lâm thủy sản thực phẩm									
132.		Cá ngừ đông lạnh – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới, tham khảo CD/K/514:2010 ICS 67.120.30 frozen tuna	TT Kiểm nghiệm kiểm chứng và Tư	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			loins- specifications	vấn chất lượng nông lâm thủy sản - Cục QLCL NLS và TS					
133.		Rong nho	Xây dựng mới, Kết quả nghiên cứu, tiêu chuẩn cơ sở của các doanh nghiệp xuất khẩu	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2022	2023			
134.		Thanh long sấy dẻo	Xây dựng mới, tham khảo TCVN 13122 Chuối sấy, TCVN 4843 (ISO 4125) Quả khô và quả sấy khô – Định nghĩa và tên gọi; Tiêu chuẩn cơ sở của một số doanh nghiệp; Kết quả khảo sát, kết quả phân tích một số mẫu sản phẩm.	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2022	2023			
135.		Thanh long đông lạnh	Xây dựng mới, dựa trên tiêu chuẩn Cơ sở của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm Thanh long đông lạnh; khảo sát, đánh giá thực tiễn; phân tích sản phẩm cụ thể; tham khảo tài liệu liên quan trong nước và quốc tế.	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2022	2023			
136.		Quả chanh dây đông lạnh	Xây dựng mới, dựa trên tiêu chuẩn Cơ sở của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chanh dây đông lạnh; khảo sát, đánh giá thực tiễn; phân tích sản phẩm cụ thể; tham	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			khảo tài liệu liên quan trong nước và quốc tế						
137.		Chanh dây sấy dẻo	Xây dựng mới, dựa trên tiêu chuẩn Cơ sở của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chanh dây sấy; khảo sát, đánh giá thực tiễn; phân tích sản phẩm cụ thể; tham khảo tài liệu liên quan trong nước và quốc tế.	Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản	2022	2023			
138.		Thực phẩm – Phương pháp phân tích để phát hiện sinh vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc biến đổi gen – Phần...: Phương pháp Realtime PCR để phát hiện và định lượng sự kiện chuyển gen MON87460 ở ngô.	Xây dựng mới Qualitative PCR method for detection of maize event MON87460 (Saviniet al. 2012). GMO method: EU data base of reference method. TCVN 7605:2007: thực phẩm – PP phân tích để phát hiện sinh vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc biến đổi gen – PP dựa trên định tính axit nucleic	Viện Di truyền Nông nghiệp	2022	2023			
139.		Thực phẩm – Phương pháp phân tích để phát hiện sinh vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc biến đổi gen – Phần...: Phương pháp Realtime PCR để phát hiện và định lượng sự kiện chuyển gen MON87427 ở ngô.	Xây dựng mới Qualitative PCR method for detection of maize event MON87427 (EURL GMFF 2015). GMO method: EU data base of reference method. TCVN 7605:2007: thực phẩm – PP phân tích để phát hiện sinh vật biến đổi gen và sản phẩm có	Viện Di truyền Nông nghiệp	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			nguồn gốc biến đổi gen – PP dựa trên định tính axit nucleic						
140.		Thực phẩm - Phát hiện và định lượng sinh vật biến đổi gen ở ngô bằng phương pháp Realtime PCR. Phần 1: Yêu cầu chung	Xây dựng mới, tham khảo GMO methods: the european union database of reference methods for GMO analysis. TCVN 7608:2007: thực phẩm - PP phân tích để phát hiện sinh vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc biến đổi gen – Yêu cầu chung và định nghĩa	Viện Di truyền Nông nghiệp	2022	2023			
Lâm nghiệp									
141.		Chế phẩm bảo quản gỗ. Phần 1: Phương pháp xác định hiệu lực phòng chống Mọt cám nâu <i>Lyctus brunneus</i> (Stephens).	Xây dựng mới Tham khảo có bổ sung theo tiêu chuẩn BS EN 20-1, BS EN 20-2	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
142.		Chế phẩm bảo quản gỗ. Phần 2: Phương pháp xác định hiệu lực phòng chống hà biển hại gỗ	Xây dựng mới Tham khảo có bổ sung theo tiêu chuẩn BS EN 275:1992	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
143.		Gỗ - Phương pháp định loại gỗ từ đặc điểm cấu tạo thô đại và hiển vi	Xây dựng mới, tham khảo tài liệu của IAWA - wood data base và UNODC và T 263 sp-02	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
144.		Gỗ và sản phẩm từ gỗ - Chuỗi giám sát hành trình	Xây dựng mới, Tham khảo ISO 38200:2018 và bộ tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành	Viện Khoa học Lâm nghiệp	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			trình sản phẩm có nguồn gốc từ rừng VN (VFCS ST 1005:2019)	Việt Nam					
145.		Gỗ - Quy định về danh pháp	Xây dựng mới, tham khảo tiêu chuẩn ASTM D1165 – 13 - Standard Nomenclature of Commercial Hardwoods and Softwoods	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
146.		Chất kết dính dùng cho sản phẩm gỗ Phần 1: Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại	Xây dựng mới Tham khảo ISO 19209:2017	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
147.		Chất kết dính dùng cho sản phẩm gỗ. Phần 2: Xác định độ bền kéo mối nối	Xây dựng mới Tham khảo ISO 19210:2017	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
148.		Chất kết dính dùng cho sản phẩm gỗ. Phần 3: Xác định cường độ chịu cắt.	Xây dựng mới Tham khảo ISO 6237:2017 và ISO 6238:2017	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
149.		Gỗ sấy Phần 2: Xác định các chỉ tiêu chất lượng (ứng suất dư, mức độ nứt vỡ, biến dạng và biến màu).	Xây dựng mới, tham khảo tiêu chuẩn AS/NZS 4787:2001	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
150.		Gỗ sấy. Phần 3: Phân cấp chất lượng	Xây dựng mới, tham khảo tiêu chuẩn AS 2082:2007	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
151.		Mây và các sản phẩm từ mây. Phần 1: Các khuyết tật và phân loại.	Xây dựng mới, tham khảo: ISO 23066:2021, GB/T26914-2011, LY/T 2052-2012	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
152.		Mây và các sản phẩm từ mây. Phần 2: Xác định tính chất vật lý và cơ học	Xây dựng mới, tham khảo LY/T 2220.1-2013, LY/T 2139-2013	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
153.		Tre và các sản phẩm từ tre - Xác định tính chất vật lý và cơ học	Soát xét, bổ sung TCVN 8168-1:2009, tham khảo ISO 21625:2020. Tham khảo LY/T 3194:2020 để bổ sung nội dung tre ghép khối	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
154.		Giống cây lâm nghiệp – Cây trội	Soát xét, bổ sung TCVN 8755:2018, tham khảo các đề tài KHCN cấp Bộ và cấp NN về chọn cây trội đối với nhóm cây ngập mặn và cây lâm sản ngoài gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
155.		Giống cây lâm nghiệp - Vườn giống	Soát xét, bổ sung TCVN 8758:2018, tham khảo các đề tài KHCN cấp Bộ và cấp NN về chọn cây trội đối với nhóm cây ngập mặn và cây lâm sản ngoài gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
156.		Giống phục tráng – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới, tham khảo Nghị định 27/2021/NĐ-CP; các đề tài KHCN cấp Bộ và cấp NN về phục tráng và phát triển một số cây lâm nghiệp: keo, bạch đàn, sâm lai châu	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	2022	2023			
157.		Cấp dự báo cháy rừng - Phương pháp xác định	Xây dựng mới Tham khảo NĐ 156/2018/NĐ-CP; Thông tư	Trường Đại học Lâm nghiệp	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			25/2019/TT-BNNPTNT; tài liệu; quản lý cháy rừng ở VN của Phạm Ngọc Hưng năm 2004; cẩm nang ngành lâm nghiệp 2004; bài giảng môn quản lý rừng – trường ĐH Lâm Nghiệp						
158.		Chuồng, trại nuôi các loài linh trưởng – Yêu cầu kỹ thuật.	Xây dựng mới Tham khảo ND 06/2019/NĐ-CP; tài liệu: chuồng nuôi động vật hoang dã thái nguyên năm 2015; standards for new world primates; global federation of animal sanctuaries	Cơ quan CITES Việt Nam	2022	2023			
Phòng chống thiên tai									
159.		Cửa van, khe van bằng thép Phần 1. Yêu cầu thiết kế	Soát xét TCVN 8298:2009	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2022	2023			
160.		Cửa van, khe van bằng thép. Phần 2. Yêu cầu chế tạo và lắp ráp.	Soát xét TCVN 8299:2009	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2022	2023			
161.		Hồ chứa nước – Xác định các mục nước đặc trưng	Soát xét TCVN 10788:2015	Trường đại học thủy lợi	2022	2023			
162.		Hệ thống tưới tiêu – Kỹ thuật tưới phun mưa Phần 1. Quy định chung	Rà soát TCVN 9170:2012	Viện Nước tưới tiêu và Môi trường - Viện KHTL Việt	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
				Nam					
163.		Hệ thống tưới tiêu – Kỹ thuật tưới phun mưa Phần 2. Tưới cho cây công nghiệp ngắn ngày	Rà soát TCVN 9170:2012	Viện Nước tưới tiêu và Môi trường - Viện KHTL Việt Nam	2022	2023			
164.		Hệ thống tưới tiêu – Kỹ thuật tưới phun mưa Phần 3. Tưới cho rau, màu	Rà soát TCVN 9170:2012	Viện Nước tưới tiêu và Môi trường - Viện KHTL Việt Nam	2022	2023			
165.		Hệ thống tưới tiêu – Kỹ thuật tưới ngầm	Xây dựng mới từ tiêu chuẩn Nhật Bản, tiêu chuẩn thiết kế và quy hoạch cải tạo đất (ruộng lúa)	Viện Nước tưới tiêu và Môi trường - Viện KHTL Việt Nam	2022	2023			
166.		Hệ thống tưới tiêu – Kỹ thuật tưới ngầm	Xây dựng mới từ tiêu chuẩn Nhật Bản, tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch cải tạo đất, quy hoạch, hệ thống tưới nước ngầm	Viện Nước tưới tiêu và Môi trường - Viện KHTL Việt Nam	2022	2023			
167.		Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông	Soát xét TCVN 9902:2016	Trường đại học thủy lợi	2022	2023			
168.		Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê	Soát xét TCVN 9165:2012	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
169.		Công trình giám sóng gây bồi bảo vệ bờ biển	Soát xét TCVN 12261:2018	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	2022	2023			
170.		Công trình thủy lợi - Đất nhiễm mặn - Quy trình rửa mặn	Soát xét TCVN 9167:2012	Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam - Viện KHTL Việt Nam	2022	2023			

V. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đất đai

171.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia-Cơ sở dữ liệu giá đất – Yêu cầu về dữ liệu giá đất	Xây dựng mới (- Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ TNMT quy định về Quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số cơ quan nhà nước.-Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.)	Tổng cục quản lý đất đai	2022	2023			
172.		Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia – Cơ sở dữ liệu Điều tra cơ bản về đất đai	Xây dựng mới (- Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT	Tổng cục quản lý đất đai	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		– Yêu cầu dữ liệu về điều tra cơ bản đất đai.	ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ TNMT quy định về Quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số cơ quan nhà nước.- Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.)						
173.		Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia Yêu cầu về cơ sở dữ liệu địa chính	Soát xét TCVN 12664:2019	Tổng cục quản lý đất đai	2022	2023			
174.		Yêu cầu về cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai	Soát xét 12665:2019	Tổng cục quản lý đất đai	2022	2023			
Địa chất và khoáng sản									
175.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 10. Phương pháp vi hệ cực trong lỗ khoan	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
176.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 11. Phương pháp hội tụ dòng trong lỗ khoan (MLL)	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
177.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 12 Phương pháp đo cảm ứng điện từ	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
178.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 13. Phương pháp thế điện tự phân cực	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
179.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 14. Phương pháp thế điện tự phân cực kích thích (PP)	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
180.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 15. Phương pháp đồng vị phóng xạ gamma	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
181.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 16. Phương pháp sóng âm	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
182.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 17. Phương pháp đo mùn khoan	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
189.		Xác định hàm lượng công nghiệp khoáng sản wolastoni - Phần 4. Yêu cầu chất lượng tinh quặng wolastoni	Xây dựng mới (Tiêu chuẩn khu vực DZ/T0323- 2018)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
190.		Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 1. Yêu cầu chung	Xây dựng mới (Tham khảo Quy chế tạm thời nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 Ban hành kèm theo Quyết định 12/2001/QĐ-BCN)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
191.		Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 2. Thành lập bản đồ Địa chất; bản đồ Địa chất môi trường; bản đồ Tai biến Địa chất - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới (Tham khảo Quy chế tạm thời nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 Ban hành kèm theo Quyết định 12/2001/QĐ-BCN)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
192.		Điều tra Địa chất đới biển nông ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 - Phần 3. Tìm kiếm khoáng sản - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới (Tham khảo Quy chế tạm thời nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 Ban hành kèm theo Quyết định	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)						
183.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 18 Phương pháp đo góc cắm của các lớp đất đá	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
184.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 19. Phương pháp hình ảnh (camera) trong lỗ khoan	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
185.		Địa vật lý lỗ khoan - Phần 20. Phương pháp hiệu chuẩn máy đo phổ gamma lỗ khoan	Xây dựng mới (TT số: 02/2011/TT-BTNMT ngày 29/01/2011; Tài liệu tham khảo: giáo trình Địa vật lý giếng khoan, Tiêu chuẩn ngành)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
186.		Xác định hàm lượng công nghiệp khoáng sản wolastoni - Phần 1. Phương pháp khảo sát và yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới (Tiêu chuẩn khu vực DZ/T0323- 2018)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
187.		Xác định hàm lượng công nghiệp khoáng sản wolastoni - Phần 2. Phương pháp lấy mẫu, gia công và phân tích	Xây dựng mới (Tiêu chuẩn khu vực DZ/T0323- 2018)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
188.		Xác định hàm lượng công nghiệp khoáng sản wolastoni - Phần 3. Phương pháp xác định hàm lượng khoáng vật	Xây dựng mới (Tiêu chuẩn khu vực DZ/T0323- 2018)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			12/2001/QĐ-BCN)						
193.		Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 4. Các dạng công tác nghiên cứu chuyên đề - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới (Tham khảo Quy chế tạm thời nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 Ban hành kèm theo Quyết định 12/2001/QĐ-BCN)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
194.		Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 5. Công tác chuẩn bị lập đề án - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới (Tham khảo Quy chế tạm thời nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 Ban hành kèm theo Quyết định 12/2001/QĐ-BCN)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
195.		Điều tra Địa chất về tài nguyên khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 - Phần 6. Công tác thực địa - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới (Tham khảo Quy chế tạm thời nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 Ban hành kèm theo Quyết định 12/2001/QĐ-BCN)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
196.		Điều tra Địa chất đới biển nông ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -	Xây dựng mới (Tham khảo Quy chế tạm thời nội dung	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		1:50.000 - Phần 7. Công tác văn phòng - Yêu cầu kỹ thuật	chủ yếu của công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 Ban hành kèm theo Quyết định 12/2001/QĐ-BCN)						
197.		Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000-1:50.000- Phần 8. Các tài liệu báo cáo kết quả điều tra cơ bản- Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới (Tham khảo Quy chế tạm thời nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên và khoáng sản rắn đới biển nông ven bờ (0-30m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 Ban hành kèm theo Quyết định 12/2001/QĐ-BCN)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
198.		Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 9. Quy trình thi công khoan biển bằng giàn khoan tự nâng GKB-02	Xây dựng mới (trên cơ sở Tài liệu cơ sở)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
199.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000) - Phần 1. Yêu cầu chung	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) ban hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
200.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000)- Phần 2. Phần	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		cấp mức độ phức tạp của điều kiện Địa chất công trình - Yêu cầu kỹ thuật	chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) ban hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)						
201.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000) - Phần 3. Giai đoạn chuẩn bị và lập đề án - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) ban hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
202.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000) - Phần 4. Giai đoạn thi công đề án - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) ban hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
203.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000) - Phần 5. Giai đoạn lập báo cáo kết quả - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) ban hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
204.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000) - Phần 6. Đặc trưng điều kiện Địa chất công trình	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		phân vùng theo mức độ thuận lợi để quy hoạch và xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	1:50.000 (1:25.000) ban hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)						
205.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000) - Phần 7. Thí nghiệm đồ nước trong hố đào - Phương pháp của A.K.Bônđurêp.	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) ban hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
206.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000) - Phần 8. Thí nghiệm đồ nước trong hố đào - Phương pháp của N.X. Netxterôp	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) ban hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
207.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000) - Phần 9. Thí nghiệm đồ nước trong lỗ khoan- Phương pháp của V.M.Naxberg	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) ban hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
208.		Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1.25.000) - Phần 10. Thí nghiệm đồ nước trong lỗ khoan- Phương pháp của G.I.Barenblat và	Xây dựng mới (tham khảo Quy chế Lập bản đồ Địa chất công trình tỷ lệ 1:50.000 (1:25.000) ban	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		B.I.Sextacop	hành theo QĐ số 54/2000/QĐ-BCN ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)						
209.		Điều tra Địa chất đô thị - Phần 1: Thuật ngữ và Định nghĩa	Xây dựng mới (trên cơ sở Tài liệu nước ngoài ký hiệu DZ/T 0306-2017 Trung Quốc của Trung Quốc)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
210.		Điều tra Địa chất đô thị - Phần 2: Điều tra điều kiện phát triển không gian ngầm và xây dựng công trình - Yêu cầu chung	Xây dựng mới (trên cơ sở Tài liệu nước ngoài ký hiệu DZ/T 0306-2017 Trung Quốc của Trung Quốc)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
211.		Điều tra Địa chất đô thị - Phần 3: Điều tra điều kiện phát triển không gian ngầm và xây dựng công trình - Yêu cầu về điều tra địa chất khu vực	Xây dựng mới (trên cơ sở Tài liệu nước ngoài ký hiệu DZ/T 0306-2017 Trung Quốc của Trung Quốc)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
212.		Điều tra Địa chất đô thị - Phần 4: Điều tra điều kiện phát triển không gian ngầm và xây dựng công trình - Yêu cầu điều tra các khu vực trọng điểm	Xây dựng mới (trên cơ sở Tài liệu nước ngoài ký hiệu DZ/T 0306-2017 Trung Quốc của Trung Quốc)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
213.		Điều tra Địa chất đô thị - Phần 5: Cơ sở dữ liệu địa chất đô thị	Xây dựng mới (trên cơ sở Tài liệu nước ngoài ký hiệu DZ/T 0306-2017 Trung Quốc của Trung Quốc)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			
214.		Điều tra Địa chất đô thị - Phần 6: Sản phẩm và ứng dụng	Xây dựng mới (trên cơ sở Tài liệu nước ngoài ký hiệu DZ/T 0306-2017 Trung Quốc của Trung Quốc)	Tổng cục ĐC và KSVN	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Khí tượng thủy văn									
215.		Quan trắc KTTV - Phần 16: Chinh biên lưu lượng nước sông vùng ảnh hưởng thủy triều	Xây dựng mới trên cơ sở chuyển đổi Tiêu chuẩn ngành	Tổng Cục Khí tượng Thủy văn	2022	2023			
216.		Quan trắc KTTV - Phần 17: Chinh biên lưu lượng chất lơ lửng nước sông	Xây dựng mới trên cơ sở chuyển đổi Tiêu chuẩn ngành	Tổng Cục Khí tượng Thủy văn	2022	2023			
217.		Quy trình hiệu chuẩn ra đa thời tiết	Xây dựng mới trên cơ sở chuyển đổi Tiêu chuẩn ngành	Tổng Cục Khí tượng Thủy văn	2022	2023			
VI. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG									
Viễn thông									
218.		Chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất- Các yêu cầu	Trên cơ sở QCVN 35: 2019/BTTTT và các tài liệu quốc tế	Cục Viễn thông	2022	2023			
219.		Chất lượng dịch vụ tin nhắn ngắn trên mạng viễn thông di động mặt đất- Các yêu cầu	Trên cơ sở QCVN 82: 2014/BTTTT và các tài liệu quốc tế	Cục Viễn thông	2022	2023			
220.		Đặc tính điện/vật lý của các giao diện điện phân cấp số	Trên cơ sở QCVN 2: 2010/BTTTT và các tài liệu quốc tế	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2022	2023			
221.		Lỗi bit của các đường truyền dẫn số- Các yêu cầu	Trên cơ sở QCVN 03: 2010/BTTTT và các tài liệu quốc tế	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2022	2023			
222.		Chất lượng kênh thuê riêng SDH- Các yêu cầu	Trên cơ sở QCVN 4: 2010/BTTTT và các tài liệu quốc tế	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2022	2023			
223.		Giao diện quang cho thiết bị kết nối mạng SDH - Các yêu cầu	Trên cơ sở QCVN 7: 2010/BTTTT và các tài liệu quốc tế	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
224.		Tiêu chuẩn IPv6 đối với thiết bị nú	Trên cơ sở QCVN 89: 20115/BTTTT và các tài liệu quốc tế	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2022	2023			
225.		Chất lượng dịch vụ VoLTE-Các yêu cầu	Xây dựng mới trên cơ sở ITU-T G1028: End-to-end quality of service for voice over 4G mobile networks	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2022	2023			
Công nghệ thông tin									
226.		Tiêu chuẩn quốc gia về đặc tả tập dữ liệu cho công dữ liệu mở	Xây dựng mới xây dựng mới trên cơ sở DCAT-US Schema v1.1 (Project Open Data Metadata Schema)	Cục Tin học hóa	2022	2023			
227.		Tiêu chuẩn quốc gia về các yêu cầu và các khả năng của IoT cho dữ liệu lớn (Big Data)	Xây dựng mới trên cơ sở ITU-T Y.4114: Specific requirements and capabilities of the IoT for Big Data	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2022	2023			
228.		Tiêu chuẩn quốc gia về các yêu cầu chung và các khả năng quản lý thiết bị IoT	Xây dựng mới trên cơ sở ITU-T Y.4702: Common requirements and capabilities of device management in the Internet of things	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2022	2023			
229.		Tiêu chuẩn quốc gia về Hướng dẫn bảo mật và riêng tư cho IoT	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC 27030 - Information technology - Security techniques - Guidelines for security and privacy in Internet of Things (IoT)	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2022	2023			
230.		Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về các khả năng IoT hỗ trợ	Xây dựng mới trên cơ sở ITU-T Y.4117:	Viện Khoa học kỹ thuật bưu	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		các thiết bị đeo tay và các dịch vụ liên quan	Requirements and capabilities of Internet of Things for support of wearable devices and related services	điện					
VII. BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH									
Văn hóa									
231.		Bảo tồn di sản văn hóa – Hướng dẫn và quy trình lựa chọn ảnh sáng thích hợp cho trưng bày trong nhà	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương BS PD CEN/TS 16163:2014	Cục Di sản văn hóa	2022	2023			
232.		Thông tin và Tư liệu – Bộ phần từ siêu dữ liệu Dublin Core – Phần 1: Phần tử lỗi	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 15836-1:2017 Soát xét TCVN 7980:2015 (ISO 15836:2009)	Vụ Thư viện	2022	2023			
233.		Thông tin và Tư liệu – Bộ phần từ siêu dữ liệu Dublin Core – Phần 2: Thuộc tính và phân lớp DCMI	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 15836-2:2019 Soát xét TCVN 7980:2015 (ISO 15836:2009)	Vụ Thư viện	2022	2023			
234.		Quản lý tài liệu – Định dạng tệp tài liệu điện tử cho quản lâu dài – Phần 1: Sử dụng PDF 1.4 (PDF/A-1)	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 19005-1:2005	Thư viện quốc gia Việt Nam	2022	2023			
235.		Quản lý tài liệu – Định dạng tệp tài liệu điện tử cho quản lâu dài – Phần 2: Sử dụng ISO 32000-1 (PDF/A-2)	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 19005-2:2011	Thư viện quốc gia Việt Nam	2022	2023			
Thể dục thể thao									

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
236.		Thiết bị dù lượn – Dù lượn – Phần 1: Yêu cầu và phương pháp thử đối với độ bền kết cấu	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 926-2:2015	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	2022	2023			
237.		Thiết bị dù lượn – Dù lượn – Phần 2: Yêu cầu và phương pháp thử để phân loại đặc tính an toàn bay	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 926-2:2013	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	2022	2023			
238.		Thiết bị dù lượn – Đai ngồi – Yêu cầu an toàn và phương pháp thử độ bền	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 1651:2018 + A1:2020	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	2022	2023			
239.		Thiết bị dù lượn – Dù khẩn cấp - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương BS EN 12491:2015	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	2022	2023			
Du lịch									
240.		Du lịch và các dịch vụ có liên quan – Spa chăm sóc sức khỏe – Yêu cầu đối với dịch vụ	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 17679:2016	Vụ Khách sạn	2022	2023			
241.		Du lịch và các dịch vụ có liên quan – Hướng dẫn phát triển các yêu cầu đối với bảo vệ môi trường của cơ sở lưu trú	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO/TS 13811:2015	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	2022	2023			
242.		Du lịch và các dịch vụ có liên quan – Hệ thống quản lý bền vững cho các cơ sở lưu trú – Các yêu cầu	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận tương đương ISO 21401:2018	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	2022	2023			
243.		Dịch vụ du lịch – Đại lý lữ hành và doanh nghiệp lữ hành – Thuật ngữ và định nghĩa	Xây dựng mới trên cơ sở chấp nhận hoàn toàn tương đương BS EN 13809:2003	Viện nghiên cứu Phát triển du lịch	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
VIII. BỘ XÂY DỰNG									
Vật liệu xây dựng									
244.		Cốt liệu nhẹ cho gạch bê tông – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Hội Bê tông Việt Nam	2022	2023			
245.		Cốt liệu nhẹ cho bê tông cách nhiệt – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới, tham khảo tiêu chuẩn ASTM C332	Hội Bê tông Việt Nam	2022	2023			
246.		Cốt liệu nhẹ cho bê tông – Sỏi, dăm sỏi và cát keramzit – Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 6220:1997	Hội Bê tông Việt Nam	2022	2023			
247.		Cát nhiễm mặn cho bê tông và vữa xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật Phần 1: Cát cho kết cấu bê tông	Xây dựng mới	Hội Bê tông Việt Nam	2022	2023			
248.		Cát nhiễm mặn cho bê tông và vữa xây dựng– Yêu cầu kỹ thuật Phần 2: Cát cho kết cấu bê tông cốt thép	Xây dựng mới	Hội Bê tông Việt Nam	2022	2023			
249.		Cát nhiễm mặn cho bê tông và vữa xây dựng– Yêu cầu kỹ thuật Phần 3: Cát cho vữa xây dựng	Xây dựng mới	Hội Bê tông Việt Nam	2022	2023			
250.		Bê tông – Yêu cầu kỹ thuật, tính năng, sản phẩm và hợp chuẩn	Xây dựng mới, tham khảo EN 206 và các tiêu chuẩn VN hiện hành	Viện KHCN XD	2022	2023			
251.		Cốt liệu cho bê tông – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
252.		Bê tông – Phương pháp lựa chọn thành phần cấp phối	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
253.		Hỗn hợp bê tông trộn sẵn – Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu	Soát xét TCVN 9340:2012	Viện KHCN XD	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
254.		Phụ gia hóa học cho bê tông	Soát xét TCVN 8826:2011	Viện KHCNXD	2022	2023			
255.		Bê tông tiêu nước dùng lát vỉa hè	Xây dựng mới	Viện KHCNXD	2022	2023			
256.		Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép – Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường nước biển	Soát xét TCVN 9346:2012	Viện KHCNXD	2022	2023			
257.		Sơn và véc ni - Yêu cầu kỹ thuật về hàm lượng hợp chất hữu cơ bay hơi	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
258.		Đá ốp lát trên cơ sở chất kết dính hữu cơ	Soát xét TCVN 8057:2009	Viện VLXD	2022	2023			
259.		Tấm đá tự nhiên lát ngoài trời – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
260.		Kính xây dựng – Kính hộp gắn kín cách nhiệt	Soát xét TCVN 8260:2009	Viện VLXD	2022	2023			
261.		Thanh định hình (profile) PolyVinyl Clorua không hóa dẻo (PVC-U) để chế tạo cửa sổ và cửa đi – Xác định độ bền va đập rơi cho thanh định hình chính	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
262.		Thanh định hình (profile) PolyVinyl Clorua không hóa dẻo (PVC-U) để chế tạo cửa sổ và cửa đi – Phương pháp thử xác định ngoại quan mẫu thử sau khi ổn định nhiệt ở 150°C	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
263.		Thanh định hình (profile) PolyVinyl Clorua không hóa dẻo (PVC-U) để chế tạo cửa sổ và cửa đi – Xác định độ ổn định kích thước	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		sau khi ổn định nhiệt							
264.		Sơn tường dạng nhũ tương – Phương pháp thử	Soát xét TCVN 8653:2012	Viện VLXD	2022	2023			
265.		Cát tiêu chuẩn ISO để xác định cường độ của xi măng	Soát xét TCVN 6227:1996	Viện VLXD	2022	2023			
266.		Ngói đất sét nung – Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 1452:2004	Viện VLXD	2022	2023			
267.		Ngói xi măng cát	Soát xét TCVN 1453:1986	Viện VLXD	2022	2023			
268.		Ngói – Phương pháp thử cơ lý	Soát xét TCVN 4313:1995	Viện VLXD	2022	2023			
269.		Xi măng pooc lăng – Phương pháp phân tích hóa học	Soát xét TCVN 141:2008	Viện VLXD	2022	2023			
270.		Bê tông – Phương pháp xác định tốc độ thấm nước	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
271.		Bê tông – Phương pháp xác định điện trở suất	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
272.		Phụ gia ức chế ăn mòn bê tông cốt thép – Xác định khả năng chống ăn mòn cốt thép trong bê tông bằng phương pháp trwor kháng phân cực nhúng trong hồ xi măng	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
273.		Bê tông – Phương pháp xác định chiều sâu cacbonat	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
274.		Vật liệu và kết cấu xây dựng – Phương pháp thử nghiệm ngâm nước và để khô đánh giá độ bền khi ngập nước	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
275.		Bê tông – Xác định hệ số khuếch tán ion clo bằng phương pháp gia tốc thẩm ion clo	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
276.		Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng xi măng trong xây dựng	Soát xét TCVN 9035:2011	Viện VLXD	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
277.		Phương pháp thử - Xác định ảnh hưởng của phụ gia hóa học đối với sự ăn mòn cốt thép trong bê tông khi tiếp xúc với môi trường clorua	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
278.		Phụ gia chống ăn mòn clorua cho bê tông cốt thép – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện VLXD	2022	2023			
Hạ tầng kỹ thuật									
279.		Thiết kế cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình	Soát xét TCXDVN 33:2006	Hội Môi trường Xây dựng VN	2022	2023			
280.		Bãi chôn lấp chất thải rắn – Tiêu chuẩn thiết kế	Soát xét TCVNXD 261:2001	Viện Môi trường đô thị và công nghiệp VN	2022	2023			
281.		Thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị	Soát xét TCXDVN 259:2001	Hội Chiếu sáng VN	2022	2023			
282.		Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị	Soát xét TCXDVN 333:2005	Hội Chiếu sáng VN	2022	2023			
Thuật ngữ và định nghĩa									
283.		Nhà và công trình – Từ vựng – Phần 1: Thuật ngữ chung	Chấp nhận ISO 6707-1:2020 – Buildings and civil engineering works – Vocabulary – Part 1: General terms	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
284.		Nhà và công trình – Từ vựng – Phần 2: Thuật ngữ trong thương lượng hợp đồng	Chấp nhận ISO 6707-2:2017 – Buildings and civil engineering works – Vocabulary – Part 2: Contract and communication	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
285.		Nhà và công trình – Từ vựng – Phần 3: Thuật ngữ về bền vững	Chấp nhận ISO 6707-3:2017 – Buildings and civil engineering works – Vocabulary – Part 3: Sustainability terms	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
286.		Tiêu chuẩn tính năng trong tòa nhà – Định nghĩa và tính toán các chỉ số diện tích và không gian	Chấp nhận ISO 9836:2017 Performance standards in building – Definition and calculation of area and space indicators	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
Thông số và kích thước cơ bản									
287.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Quy định chung – Chữ và chữ số trong bản vẽ xây dựng	Xây dựng mới trên cơ sở gộp TCVN 3986:1985 và TCVN 4608:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
288.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Quy định chung – Bố trí hình vẽ chú thích bằng chữ và khung tên	Xây dựng mới trên cơ sở gộp TCVN 5571:2012 và TCVN 5986:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
289.		Bản vẽ kỹ thuật – Bản vẽ xây dựng – Thể hiện kích thước mô đun, đường và lưới mô đun	Xây dựng mới, sửa đổi bổ sung TCVN 5895:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
290.		Bản vẽ kỹ thuật – Bản vẽ xây dựng – Nguyên tắc chung về trình bày bản vẽ bố cục chung và bản vẽ lắp ghép	Xây dựng mới, sửa đổi bổ sung TCVN 6083:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
291.		Bản vẽ kỹ thuật – Bản vẽ xây dựng – Kết cấu chế tạo sẵn	Xây dựng mới trên cơ sở gộp TCVN 6078:2012 và TCVN 6085:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
292.		Bản vẽ xây dựng – Trình bày bản vẽ - Tỷ lệ	Xây dựng mới, sửa đổi bổ sung TCVN 6079:1995	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
293.		Bản vẽ xây dựng – Trình bày bản vẽ - Phương pháp chiếu	Xây dựng mới, sửa đổi bổ sung TCVN 6080:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
294.		Bản vẽ xây dựng – Nguyên tắc thể hiện các chi tiết điện trên mặt cắt và mặt nhìn	Sửa đổi, bổ sung TCVN 6081:1995	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
Ký hiệu									
295.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Quy định chung – Ký hiệu trên bản vẽ mặt bằng	Xây dựng mới trên cơ sở gộp TCVN 4607:2012 và TCVN 4609:1988	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
296.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu trên bản vẽ và hồ sơ thiết kế - Ký hiệu trên sơ đồ điện	Soát xét TCVN 185:1986	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
297.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu trên bản vẽ và hồ sơ thiết kế - Ký hiệu trang thiết bị kỹ thuật và đường ống	Xây dựng mới trên cơ sở gộp TCVN 4036:1985 và TCVN 6077:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
298.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu trên bản vẽ và hồ sơ thiết kế - Ký hiệu đường ống	Soát xét TCVN 5422:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
299.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu trên bản vẽ và hồ sơ thiết kế - Ký hiệu cấp và thoát nước trên bản vẽ thi công	Xây dựng mới trên cơ sở gộp TCVN 3989:2012 và TCVN 5673:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
300.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu trên bản vẽ và hồ sơ thiết kế - Ký hiệu sưởi, thông gió trên bản vẽ thi công	Soát xét TCVN 4318:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
301.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu trên bản vẽ và hồ sơ thiết kế - Ký hiệu các bộ phận cấu tạo ngôi nhà	Soát xét TCVN 4614:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
302.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu trên bản vẽ và hồ sơ thiết kế - Ký hiệu các cấu kiện xây dựng	Soát xét TCVN 5686:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
303.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu trên bản vẽ và hồ sơ thiết kế - Hồ sơ thiết kế kiến trúc	Soát xét TCVN 5671:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
304.		Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Ký hiệu trên bản vẽ và hồ sơ thiết kế - Hồ sơ thiết kế thi công	Soát xét TCVN 5672:2012	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
Thiết kế kiến trúc									
305.		Nhà ở riêng lẻ - Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới	Viện Kiến trúc quốc gia	2022	2023			
Kết cấu và công nghệ xây dựng									
306.		Cơ sở thiết kế kết cấu	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
307.		Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép Phần 1.1: Quy định chung	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
308.		Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép Phần 1.2: Thiết kế kết cấu chịu lửa	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
309.		Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép Phần 3: Kết cấu chứa chất lỏng và vật liệu rời	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
310.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-1: Thiết kế kết cấu thép – các quy định chung và các quy định cho nhà	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
311.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-2: Thiết kế kết cấu thép – các quy định chung – Thiết kế kết cấu chịu lửa	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
312.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-3: Thiết kế kết cấu thép – các quy định chung – Các quy định bổ sung đối với cấu kiện, tấm tạo hình nguội	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
313.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-4: Thiết kế kết cấu thép – các quy định chung – Các quy định bổ sung cho thép không gỉ	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
314.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-5: Thiết kế kết cấu thép – Cấu kiện dạng tấm	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
315.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-6: Thiết kế kết cấu thép – Độ bền và độ ổn định của kết cấu vỏ	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
316.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-7: Thiết kế kết cấu thép – Kết cấu tấm chịu tải ngoài mặt phẳng	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
317.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-8: Thiết kế kết cấu thép – Thiết kế liên kết	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
318.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-9: Thiết kế kết cấu thép – Độ bền mỏi	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
319.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-10: Thiết kế kết cấu thép – Độ dai và tính chất xuyên chiều dày	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		của vật liệu							
320.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-11: Thiết kế kết cấu thép – Thiết kế kết cấu có dây/ thanh căng	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
321.		Thiết kế kết cấu thép Phần 1-12: Thiết kế kết cấu thép – Các quy định bổ sung cho vật liệu thép đến cấp bền S700	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
322.		Thiết kế địa kỹ thuật – Những quy định chung	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
323.		Kết cấu bê tông – Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
324.		Kết cấu thép – Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
325.		Kết cấu xây – Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
326.		Thiết kế địa kỹ thuật – Khảo sát và thí nghiệm đất nền	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
327.		Cọc khoan nhồi – Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
328.		Công tác đất – Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
329.		Nhà cao tầng – Hướng dẫn thiết kế về an toàn cháy	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
330.		Thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình xây dựng – Yêu cầu riêng đánh giá hiệu quả của vật liệu bảo vệ chịu lửa cho kết cấu thép	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
331.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật – Nhận dạng và phân loại đất Phần 1: Nhận dạng và mô tả	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
332.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật – Nhận dạng và phân loại đất	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 2: Các nguyên tắc phân loại							
333.		Khảo sát và thí nghiệm địa kỹ thuật về đá. Nhận dạng, mô tả và phân loại đá	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
334.		Công tác địa kỹ thuật – Phương pháp trộn sâu	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
335.		Thiết kế kết cấu thép – Tháp và trụ	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
336.		Thiết kế kết cấu thép – Ống khói	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
337.		Thiết kế kết cấu thép – Si-lô	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
338.		Thiết kế kết cấu thép – Bể chứa	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
339.		Thiết kế kết cấu thép – Đường ống	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
340.		Thiết kế kết cấu thép – Cọc	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
341.		Thiết kế kết cấu thép – Kết cấu đỡ cầu trục	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
342.		Thiết kế kết cấu nhôm. Phần 1-1: Các quy định kết cấu chung	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
343.		Thiết kế kết cấu nhôm. Phần 1-2: Thiết kế kết cấu chịu lửa	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
344.		Thiết kế kết cấu nhôm. Phần 1-3: Kết cấu chịu mỏi	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
345.		Phần 1-4: Tấm kết cấu tạo hình nguội	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
346.		Thiết kế kết cấu nhôm. Phần 1-5: Kết cấu vồ	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
347.		Thử nghiệm chịu lửa. Các bộ phận công trình xây dựng. Phần 1: Yêu cầu chung	Soát xét TCVN 9311-1:2012	Viện KHCN XD	2022	2023			
348.		Hệ thống chống đỡ tạm – Yêu cầu công năng và thiết kế chung	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
349.		Thiết bị làm việc tạm thời. Phần 1: Giàn giáo – Yêu cầu công năng và thiết kế chung	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
350.		Thiết bị làm việc tạm thời. Phần 2: Thông số vật liệu	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
351.		Thiết bị làm việc tạm thời. Phần 3: Tải trọng thử nghiệm	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
352.		Thiết bị làm việc tạm thời. Phần 4: Lưới an toàn cho giàn giáo – Yêu cầu công năng và thiết kế sản phẩm	Xây dựng mới	Viện KHCN XD	2022	2023			
353.		Khảo sát và thử nghiệm địa kỹ thuật – Thử nghiệm kết cấu địa kỹ thuật – Phần 1: Thử nghiệm cọc: Thử nghiệm nén tĩnh	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
354.		Thiết kế kết cấu liên hợp thép và bê tông. Phần 1: Quy định chung và quy định cho công trình nhà	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
355.		Thiết kế kết cấu liên hợp thép và bê tông. Phần 2: Quy định chung, thiết kế kết cấu chịu lửa	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
356.		Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Nguyên tắc đảm bảo khả năng chịu lửa và khả năng bảo toàn	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
357.		Phương pháp thử khối xây. Phần 1: Xác định cường độ chịu nén	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
358.		Phương pháp thử khối xây. Phần 2: Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
359.		Phương pháp thử khối xây. Phần 3: Xác định cường độ chịu cắt ban đầu	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
360.		Phương pháp thử khối xây. Phần 4: Xác định cường độ chịu cắt theo lớp cách nước	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
361.		Phương pháp thử khối xây. Phần 5: Xác định cường độ bám dính	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
362.		Giàn giáo công tác mặt ngoài bằng cấu kiện chế tạo sẵn. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
363.		Giàn giáo công tác mặt ngoài bằng cấu kiện chế tạo sẵn. Phần 2: Phương pháp thiết kế	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
364.		Khóa giáo, chốt khóa măng xông và tấm đế sử dụng cho giàn giáo và hệ cột chống ván khuôn. Phần 1: Khóa giáo dùng cho ống thép rời – Các yêu cầu và phương pháp thử nghiệm	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
365.		Khóa giáo, chốt khóa măng xông và tấm đế sử dụng cho giàn giáo và hệ cột chống ván khuôn. Phần 2: Khóa giáo đặc biệt – Các yêu cầu và phương pháp thử nghiệm	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
366.		Khóa giáo, chốt khóa măng xông và tấm đế sử dụng cho giàn giáo và hệ	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		cột chống ván khuôn. Phần 3: Tầm đế và chốt khóa măng xông dạng tròn – Các yêu cầu và phương pháp thử nghiệm							
367.		Thiết bị làm việc tạm thời – Lưới an toàn – Phần 1: Yêu cầu an toàn và các phương pháp thử nghiệm	Xây dựng mới	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2022	2023			
368.		Ống thép rời dùng cho giàn giáo ống có khớp nối – Điều kiện kỹ thuật khi cung cấp	Xây dựng mới	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2022	2023			
369.		Cột chống hợp kim nhôm kiểu ống lồng – Thông số kỹ thuật, thiết kế, đánh giá bằng tính toán và thử nghiệm	Xây dựng mới	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	2022	2023			
370.		Khảo sát và thử nghiệm địa kỹ thuật – Thử nghiệm kết cấu địa kỹ thuật – Phần 1: Thử nghiệm cọc: Thử nghiệm nén tĩnh	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
An toàn máy xây dựng									
371.		Máy đào và chuyển đất – Các loại cơ bản – Nhận dạng, thuật ngữ và định nghĩa	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
372.		Máy đào và chuyển đất – Định nghĩa kích thước và mã hiệu Phần 1: Máy cơ sở	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
373.		Máy đào và chuyển đất – Định nghĩa kích thước và mã hiệu Phần 2: Thiết bị và bộ phận đi kèm	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
374.		Máy nâng xây dựng chở vật liệu – Phần 1: Thang nâng với bàn nâng để tiếp cận (vận thăng xây dựng)	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
375.		Máy nâng xây dựng chở vật liệu – Phần 2: Thang nâng nghiêng với thiết bị chuyển tải không thể tiếp cận (vận thăng xây dựng)	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
376.		Máy nâng xây dựng để vận chuyển người và vật liệu bằng ca bin hướng thẳng đứng (thang máy thi công)	Xây dựng mới	Trường Đại học Xây dựng	2022	2023			
IX. BỘ Y TẾ									
Nguyên liệu hóa dược									
377.		Clindamycin hydroclorid	Soát xét TCVN I-2:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2022	2023			
378.		Celulose acetat	Soát xét TCVN IV:2015	-nt-	2022	2023			
379.		Celulose vi tinh thể	Soát xét TCVN IV:2015	-nt-	2022	2023			
380.		Ethanol	Soát xét TCVN I-2:2017	-nt-	2022	2023			
381.		Ethanol 96%	Soát xét TCVN I-2:2017	-nt-	2022	2023			
382.		Các ethanol loãng	Soát xét TCVN I-2:2017	-nt-	2022	2023			
383.		Methylcelulose	Soát xét TCVN IV:2015	-nt-	2022	2023			
384.		Piperacilin natri	Soát xét TCVN IV:2015	-nt-	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
385.		Isoniazid	Soát xét TCVN I-2:2017	-nt-	2022	2023			
386.		Triglycerid mạch trung bình	Soát xét TCVN IV:2015	-nt-	2022	2023			
Thành phẩm hóa dược									
387.		Nang acid tranexamic	Soát xét TCVN V:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2022	2023			
388.		Viên nén acid tranexamic	Soát xét TCVN V:2017	-nt-	2022	2023			
389.		Viên nén clopidogrel	Soát xét TCVN V:2017	-nt-	2022	2023			
390.		Viên nén glimepirid	Soát xét TCVN V:2017	-nt-	2022	2023			
391.		Viên nén levofloxacin	Soát xét TCVN V:2017	-nt-	2022	2023			
392.		Viên nén vinpocetin	Soát xét TCVN V:2017	-nt-	2022	2023			
393.		Bột pha tiêm ceftazidim	Soát xét TCVN VI:2017	-nt-	2022	2023			
394.		Viên nén perindopril <i>tert</i> -butylamin	Soát xét TCVN VI:2017	-nt-	2022	2023			
395.		Viên nén simvastatin	Soát xét TCVN VI:2017	-nt-	2022	2023			
396.		Viên nén alopurinol	Soát xét TCVN I-3:2017	-nt-	2022	2023			
Dược liệu									
397.		Actiso (lá)	Soát xét TCVN I-4:2017	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2022	2023			
398.		Ba kích (rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
399.		Cốt toái bồ (thân rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
400.		Cỏ xước (rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
401.		Diếp cá	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
402.		Gừng (thân rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
403.		Mộc hoa trắng (vỏ thân)	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
404.		Mộc hương (Rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
405.		Ngưu tất (rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
406.		Sa nhân (Quả)	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
407.		Tinh dầu gừng	Soát xét TCVN II:2012	-nt-	2022	2023			
408.		Tinh dầu nghệ	Soát xét TCVN II:2012	-nt-	2022	2023			
409.		Tục đoạn	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
410.		Trạch tả (Rễ)	Soát xét TCVN I-4:2017	-nt-	2022	2023			
411.		Hạt họ	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
412.		Thiên hoa phấn (Rễ)	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
413.		Tang phiêu tiêu	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
414.		Táo mèo (quả)	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
415.		Thiên nam tinh (Thân rễ)	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
416.		Thiên nam tinh đã chế biến	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Mỹ phẩm									
417.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Xác định resorcinol bằng phương pháp HPLC	Xây dựng mới	Viện Kiểm nghiệm Thuốc TP. HCM	2022	2023			
418.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Định tính, định lượng methylisothiazolinone bằng phương pháp HPLC	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
419.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Định tính, định lượng methylchlorothiazolinone bằng phương pháp HPLC	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
420.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Phát hiện và định lượng arsen (As) bằng phổ khối lượng plasma cảm ứng cao tần (ICP/MS) sau khi phân hủy bằng áp lực	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
421.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Phát hiện và định lượng cadimi (Cd) bằng phổ khối lượng plasma cảm ứng cao tần (ICP/MS) sau khi phân hủy bằng áp lực	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
422.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Phát hiện và định lượng chì (Pb) bằng phổ khối lượng plasma cảm ứng cao tần (ICP/MS) sau khi phân hủy bằng áp lực	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
423.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Phát hiện và định lượng antimon (Sb) bằng phổ khối lượng plasma cảm ứng cao tần (ICP/MS) sau khi phân hủy bằng áp lực	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
424.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Phát hiện và định lượng ethanol bằng phương pháp GC-FID	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
425.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Phát hiện và định lượng methanol bằng phương pháp HS-GC-FID	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
426.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Phát hiện và định lượng Alpha Terthienyl trong mỹ phẩm bằng kỹ thuật HPLC	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
427.		Mỹ phẩm – Phương pháp phân tích - Phát hiện và định lượng 1,4 - dioxan trong mỹ phẩm bằng kỹ thuật HS-GC/MS	Xây dựng mới	-nt-	2022	2023			
An toàn thực phẩm									
428.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - Hướng dẫn và các yêu cầu cụ thể về thử nghiệm thành thạo thông qua so sánh liên phòng thử nghiệm	Soát xét TCVN 9331:2012	Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG	2022	2023			
429.		Thực phẩm - Xác định tổng hoạt tính chống oxy hóa dựa trên khả năng hấp thụ gốc tự do oxy hóa (ORAC) bằng phương pháp huỳnh quang	Cơ sở AOAC 2012.23	-nt-	2022	2023			
430.		Thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh và sản phẩm dinh dưỡng liên quan – Phương pháp xác định đồng thời tổng hàm lượng vitamin B1, B2, B3 và B6 bằng LC-MS/MS sau khi thủy phân enzym	Cơ sở AOAC 2015.14	-nt-	2022	2023			
431.		Thực phẩm – Xác định hàm lượng xơ tổng số bằng phương pháp trọng	Cơ sở AOAC 2017.16	-nt-	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lượng – enzyme kết hợp sắc ký lỏng hiệu năng cao							
432.		Dầu, mỡ, sản phẩm dùng để trang trí thực phẩm - Xác định polysorbat 60 bằng phương pháp trọng lượng	Cơ sở AOAC 974.11	-nt-	2022	2023			
433.		Nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm – Xác định protein nguồn gốc đậu nành, gạo, đậu Hà Lan bằng phương pháp LC-MS/MS	Chấp nhận AOAC <i>Official Method 2017.11</i>	-nt-	2022	2023			
434.		Nước, đồ uống không cồn có ga và không có ga – Xác định hàm lượng Bisphenol A bằng LC-MS/MS	Cơ sở AOAC 2017.15	-nt-	2022	2023			
435.		Nước, đồ uống không cồn có ga và không có ga – Xác định hàm lượng Bisphenol A bằng UPLC-FLD	Cơ sở AOAC 2019.07	-nt-	2022	2023			
436.		Nước sát khuẩn - Xác định hàm lượng phenols và phenates	Cơ sở AOAC 2011.26	-nt-	2022	2023			
437.		Chè - Xác định hàm lượng Niken - Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	Cơ sở AOAC 971.20	-nt-	2022	2023			
438.		Nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe chứa <i>Echinacea</i> – Xác định hàm lượng các hợp chất phenolic bằng kỹ thuật HPLC	Chấp nhận AOAC <i>Official Method 2018.08</i>	-nt-	2022	2023			
439.		Nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe chứa <i>Panax ginseng</i> và <i>Panax quinquefolius</i> – Xác định hàm lượng các Ginsenoside bằng kỹ thuật HPLC	Chấp nhận AOAC <i>Official Method 2018.09</i>	-nt-	2022	2023			
440.		Nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe – Xác định hàm lượng một số hợp chất không	Chấp nhận AOAC <i>Official Method 2018.04</i>	-nt-	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		bay hơi có nguồn gốc từ gừng (Ginger) bằng kỹ thuật HPLC							
441.		Vi sinh vật trong thực phẩm - Phát hiện độc tố Alpha-toxin của <i>Clostridium perfringens</i> bằng phương pháp	Cơ sở AOAC 974.38	-nt-	2022	2023			
442.		Xác định và định danh <i>Salmonella</i> spp., <i>Cronobacter</i> spp., <i>Campylobacter</i> spp. và các vi khuẩn gram âm khác bằng kỹ thuật MALDI-TOF	Cơ sở AOAC 2017.09	-nt-	2022	2023			
443.		Xác định và định danh <i>Listeria monocytogenes</i> , <i>Listeria</i> spp., và các vi khuẩn gram dương khác bằng kỹ thuật MALDI - TOF	Cơ sở AOAC 2017.10	-nt-	2022	2023			
444.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Hướng dẫn ước lượng độ không đảm bảo đo đối với các phép phân tích định lượng	Soát xét TCVN 9332:2012, dựa trên ISO 19036:2019	-nt-	2022	2023			
Trang thiết bị Y tế									
445.		Hệ thống đường ống dẫn khí y tế - Phần 1: Hệ thống đường ống dẫn khí y tế nén và chân không	Chấp nhận ISO 7396-1:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
446.		Thiết bị đầu cuối cho hệ thống đường ống dẫn khí y tế - Phần 1: Thiết bị đầu cuối để sử dụng với khí y tế nén và chân không	Chấp nhận ISO 9170-1:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
447.		Bộ điều chỉnh áp suất dùng cho khí y tế - Phần 1: Bộ điều chỉnh áp suất và bộ điều chỉnh áp suất với thiết bị đo lưu lượng	Chấp nhận ISO 10524-1:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
448.		Bộ điều chỉnh áp suất để sử dụng với khí y tế - Phần 2: Bộ điều chỉnh áp suất dạng ống và dòng	Chấp nhận ISO 10524-2:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
449.		Bộ điều chỉnh áp suất để sử dụng với khí y tế - Phần 3: Bộ điều chỉnh áp suất tích hợp với van xi lanh (VIPR)	Chấp nhận ISO 10524-3:2019	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
450.		Hệ thống thoát khí thải do các thiết bị y tế tạo ra	Chấp nhận ISO 16571:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
451.		Hệ thống đường ray để hỗ trợ thiết bị y tế	Chấp nhận ISO 19054:2005 /Adm 1:2016	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
452.		Thiết bị hút y tế - Phần 1: Thiết bị hút chạy bằng điện - Bản sửa đổi 1: Các thay đổi đối với yêu cầu vận hành ở nhiệt độ khắc nghiệt	Chấp nhận ISO 10079-1:2015 Adm 1:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
453.		Thiết bị hút y tế - Phần 2: Thiết bị hút chạy bằng tay	Chấp nhận ISO 10079-2:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
454.		Thiết bị hút y tế - Phần 3: Thiết bị hút được cấp nguồn từ chân không hoặc nguồn khí áp suất dương	Chấp nhận ISO 10079-3:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
455.		Thiết bị hút y tế - Phần 4: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 10079-4:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
456.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Từ vựng	Chấp nhận ISO 4135:2001	Viện Trang thiết bị và Công trình	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
				y tế					
457.		Máy thở và thiết bị liên quan - Từ vựng và ngữ nghĩa	Chấp nhận ISO 19223:2019	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
458.		Hướng dẫn lựa chọn phương tiện thông gió thích hợp dựa trên bệnh nhân, môi trường sử dụng và người vận hành dự định	Chấp nhận ISO 29154:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
459.		Thiết bị điện y tế - Phần 1-10: Yêu cầu chung về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu - Tiêu chuẩn tài sản thể chấp: Yêu cầu đối với sự phát triển của bộ điều khiển vòng kín sinh lý	Chấp nhận IEC 60601-1-10:2007	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
460.		Thiết bị điện y tế - Phần 1-12: Yêu cầu chung về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu - Tiêu chuẩn thể chấp: Yêu cầu đối với thiết bị điện y tế và hệ thống điện y tế được sử dụng trong môi trường dịch vụ y tế khẩn cấp	Chấp nhận IEC 60601-1-12:2014	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
461.		Thiết bị điện y tế - Phần 1-11: Yêu cầu chung về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu - Tiêu chuẩn bên cạnh: Yêu cầu đối với thiết bị điện y tế và hệ thống điện y tế được sử dụng trong môi trường chăm sóc sức khỏe gia đình	Chấp nhận IEC 60601-1-11:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
462.		Thiết bị điện y tế - Phần 1-8: Yêu cầu chung về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu - Tiêu chuẩn bên cạnh: Yêu cầu chung, thử nghiệm	Chấp nhận IEC 60601-1-8:2006	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		và hướng dẫn đối với hệ thống cảnh báo trong thiết bị điện y tế và hệ thống điện y tế							
463.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-90: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của thiết bị trị liệu dòng cao hô hấp	Chấp nhận ISO 80601-2-90:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
464.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-26: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của máy ghi điện não	Chấp nhận ISO 80601-2-26:2019	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
465.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-49: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của thiết bị theo dõi bệnh nhân đa chức năng	Chấp nhận ISO 80601-2-49:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
466.		Thiết bị điện y tế — Phần 2-71: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của thiết bị quang phổ hồng ngoại gần chức năng (NIRS)	Chấp nhận ISO 80601-2-71:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
467.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-72: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và hoạt động thiết yếu của máy thở trong môi trường chăm sóc sức khỏe tại nhà cho bệnh nhân phụ thuộc vào máy thở	Chấp nhận ISO 80601-2-72:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
468.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-79: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của thiết bị hỗ trợ thông gió cho người suy giảm khả năng thở	Chấp nhận ISO 80601-2-79:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
469.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-80: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính	Chấp nhận ISO 80601-2-80:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		năng thiết yếu của thiết bị hỗ trợ thông gió cho chứng suy giảm thông khí		y tế					
470.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-84: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của máy thở cho môi trường dịch vụ y tế khẩn cấp	Chấp nhận ISO 80601-2-84:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
471.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-85: Yêu cầu cụ thể đối với sự an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của thiết bị đo oxy mô não	Chấp nhận ISO 80601-2-85:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
472.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-87: Yêu cầu riêng về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của máy thở tần số cao	Chấp nhận ISO 80601-2-87:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
473.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-74: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của thiết bị làm ẩm đường hô hấp	Chấp nhận ISO 80601-2-74:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
474.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-30: Yêu cầu riêng về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của máy đo huyết áp tự động không xâm lấn	Chấp nhận ISO 80601-2-30:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
475.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-59: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của máy đo nhiệt sàng lọc để kiểm tra nhiệt độ sốt ở người	Chấp nhận ISO 80601-2-59:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
476.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-12: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và hoạt động thiết yếu của máy thở chăm sóc quan trọng	Chấp nhận ISO 80601-2-12:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
477.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-56: Yêu cầu riêng về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của nhiệt kế lâm sàng để đo nhiệt độ cơ thể	Chấp nhận ISO 80601-2-56:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
478.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-61: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của thiết bị đo oxy xung	Chấp nhận ISO 80601-2-61:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
479.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-69: Yêu cầu cụ thể đối với sự an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của thiết bị máy tạo oxy	Chấp nhận ISO 80601-2-69:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
480.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-70: Yêu cầu cụ thể đối với sự an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của thiết bị điều trị chứng ngưng thở khi ngủ	Chấp nhận ISO 80601-2-70:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
481.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-13: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và hoạt động thiết yếu của trạm làm việc gây mê	Chấp nhận ISO 80601-2-13:2011	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
482.		Thiết bị điện y tế - Phần 2-55: Yêu cầu cụ thể về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu của máy theo dõi khí hô hấp	Chấp nhận ISO 80601-2-55:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
483.		Máy đo huyết áp không xâm lấn - Phần 1: Yêu cầu và phương pháp thử đối với kiểu đo không tự động	Chấp nhận ISO 81060-1:2007	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
484.		Máy đo huyết áp không xâm lấn - Phần 2: Khảo sát lâm sàng kiểu đo tự động ngắt quãng	Chấp nhận ISO 81060-1:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
485.		Máy đo huyết áp không xâm lấn -	Chấp nhận ISO/TS	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 5: Yêu cầu đối với độ lặp lại và khả năng tái lập của bộ mô phỏng NIBP để thử nghiệm máy đo huyết áp không xâm lấn tự động	81060-5:2020	bị và Công trình y tế					
486.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Bộ phận giả giọng nói	Chấp nhận ISO 21917:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
487.		Thiết bị gây mê và hô hấp – Nhân móc do người dùng cho bơm tiêm thuốc sử dụng trong gây mê – Màu sắc, thiết kế và công năng	Chấp nhận ISO 26825:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
488.		Hướng dẫn về các khía cạnh của phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để đảm bảo tính vô trùng của sản phẩm chăm sóc sức khỏe dùng một lần, được tiệt trùng cuối cùng không thể chịu được quá trình chế biến để đạt được mức đảm bảo vô trùng tối đa là 10-6	Chấp nhận ISO/TS 19930:2017	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
489.		Tiệt khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe - Các chất khử trùng bằng hóa chất lỏng cho các thiết bị y tế sử dụng một lần sử dụng mô động vật và các dẫn xuất của chúng - Các yêu cầu về mô tả, phát triển, đánh giá xác nhận và kiểm soát thường quy quy trình tiệt trùng cho thiết bị y tế	Chấp nhận ISO 14160:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
490.		Tiệt khuẩn thiết bị y tế - Hướng dẫn về các yêu cầu đối với việc xác nhận và xử lý thường xuyên các quy trình tiệt trùng bằng ethylene	Chấp nhận ISO/TS 21387:2020	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		oxide sử dụng giải phóng tham số							
491.		Tiệt khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe - Yêu cầu chung đối với máy tiệt trùng để tiệt trùng đầu cuối thiết bị y tế trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe	Chấp nhận ISO/TS 22421:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
492.		Tiệt khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe - Phương pháp vi sinh - Hướng dẫn thực hiện xác định tạp chất sinh học và kiểm tra độ vô trùng đối với sinh học và các sản phẩm dựa trên mô	Chấp nhận ISO/TS 22456:2021	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
493.		Tiệt khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe – Hơi nước nhiệt độ thấp và formaldehyde – Yêu cầu đối với phát triển, đánh giá xác nhận và kiểm soát thường quy quá trình tiệt khuẩn TBYT	Chấp nhận ISO 25424:2018	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
494.		Thu hồi và phân tích vật cây ghép phẫu thuật – Phần 1: Truy xuất và xử lý	ISO 12891-1:2015	Viện Trang thiết bị và Công trình y tế	2022	2023			
495.		Thiết bị y tế - Đầu nối cho hệ thống phân phối hồ chứa cho các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 1: Yêu cầu chung và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 18250-1:2018	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
496.		Thiết bị y tế - Đầu nối cho hệ thống phân phối hồ chứa cho các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 3: Các ứng dụng nội bộ	Chấp nhận ISO 18250-3:2018	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
497.		Thiết bị y tế - Đầu nối cho hệ thống phân phối hồ chứa cho các ứng	Chấp nhận ISO 18250-6:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 6: Ứng dụng thân kính							
498.		Thiết bị y tế - Đầu nối cho hệ thống phân phối hồ chứa cho các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 7: Kết nối cho truyền tĩnh mạch	Chấp nhận ISO 18250-7:2018	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
499.		Thiết bị y tế - Đầu nối cho hệ thống phân phối hồ chứa cho các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 8: Giải pháp chống đông máu dựa trên Citrate cho các ứng dụng apheresis	Chấp nhận ISO 18250-8:2018	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
500.		Trang thiết bị y tế - Giám sát sau thị trường cho các nhà sản xuất	Chấp nhận ISO/TR 20416:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
501.		Trang thiết bị y tế - Thông tin cung cấp bởi nhà sản xuất	Chấp nhận ISO/TR 20417:2021	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
502.		Thử nghiệm lâm sàng trong phòng thí nghiệm và in vitro Thiết bị y tế - Cấu trúc mã hóa phân cấp cho các sự kiện bất lợi - Phần 1: Mã loại sự kiện	Chấp nhận ISO/TS 19218-1:2011	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
503.		Thử nghiệm lâm sàng trong phòng thí nghiệm và in vitro Thiết bị y tế - Cấu trúc mã hóa phân cấp cho các sự kiện bất lợi - Phần 1: Mã loại sự kiện	Chấp nhận ISO/TS 19218-2:2012	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
504.		Trang thiết bị y tế - Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn ISO 14971	Chấp nhận ISO/TR 24971:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
505.		Bơm tiêm đã được nạp sẵn - Phần 1: Xi lanh thủy tinh cho hộp thuốc gây tê cục bộ nha khoa	Chấp nhận ISO 11040-1:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
506.		Bơm tiêm đã được nạp sẵn - Phần 2: Nút pit tông cho hộp	Chấp nhận ISO 11040-2:2011	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nha khoa gây tê cục bộ							
507.		Bơm tiêm đã được nạp sẵn - Phần 3: Seals cho hộp nha khoa gây tê cục bộ	Chấp nhận ISO 11040-3:2012	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
508.		Bơm tiêm đã được nạp sẵn - Phần 4: Thùng thủy tinh để chứa thuốc tiêm và ống tiêm đã được lắp ráp phụ đã khử trùng sẵn sàng để chiết rót	Chấp nhận ISO 11040-4:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
509.		Bơm tiêm đã được nạp sẵn - Phần 5: Nút pit tông cho thuốc tiêm	Chấp nhận ISO 11040-5:2012	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
510.		Bơm tiêm đã được nạp sẵn - Phần 6: Thùng nhựa cho ống tiêm và ống tiêm đã được lắp ráp lại đã khử trùng sẵn sàng để chiết rót	Chấp nhận ISO 11040-6:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
511.		Bơm tiêm đã được nạp sẵn - Phần 7: Hệ thống đóng gói cho các bơm tiêm đã được lắp ráp lại đã tiệt trùng sẵn sàng để chiết rót	Chấp nhận ISO 11040-7:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
512.		Bơm tiêm đã được nạp sẵn - Phần 8: Yêu cầu và phương pháp thử đối với bơm tiêm đã nạp sẵn thành phẩm	Chấp nhận ISO 11040-8:2016	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
513.		Nha khoa - Hộp mực dùng một lần cho thuốc tê tại chỗ	Chấp nhận ISO 11499:2014	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
514.		Thiết bị y tế - Liệu pháp thở ngưng thở khi ngủ - Mặt nạ và phụ kiện ứng dụng	Chấp nhận ISO 17510:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
515.		Máy thở - Phần 4: Yêu cầu riêng	Chấp nhận ISO 10651-4:2002	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đối với người hồi sức điều khiển							
516.		Máy thở dùng trong y tế - Yêu cầu riêng về an toàn cơ bản và tính năng thiết yếu - Phần 5: Máy hồi sức cấp cứu bằng khí đốt	Chấp nhận ISO 10651-5:2006	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
517.		Đánh giá tính tương thích sinh học của đường thở khí trong các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 1: Đánh giá và thử nghiệm trong một quá trình quản lý rủi ro	Chấp nhận ISO 18562-1:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
518.		Đánh giá tính tương thích sinh học của đường thở khí trong các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 2: Thử nghiệm phát thải các hạt vật chất	Chấp nhận ISO 18562-2:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
519.		Đánh giá tính tương thích sinh học của đường thở khí trong các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 3: Thử nghiệm phát thải các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)	Chấp nhận ISO 18562-3:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
520.		Đánh giá tính tương thích sinh học của đường thở khí trong các ứng dụng chăm sóc sức khỏe - Phần 4: Các xét nghiệm cho các chất có thể lọc được trong nước ngưng tụ	Chấp nhận ISO 18562-4:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
521.		Thiết bị gây mê và hô hấp - Máy tạo độ ẩm thụ động	Chấp nhận ISO 20789:2018	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
522.		Hệ thống tiêm bằng kim dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử -	Chấp nhận ISO 11608-7:2016	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 7: Khả năng tiếp cận với người khiếm thị							
523.		Quang học và dụng cụ quang học - Từ vựng cho kính hiển vi - Phần 1: Kính hiển vi ánh sáng	Chấp nhận ISO 10934:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
524.		Cấy ghép nhân khoa - Thiết bị phẫu thuật nhân khoa	Chấp nhận ISO 15798:2013	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
525.		Thử nghiệm lâm sàng trang thiết bị y tế cho người - Thực hành tốt lâm sàng	Chấp nhận ISO 14155:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
526.		Pyrogenicity - Nguyên tắc và phương pháp kiểm tra pyrogen của thiết bị y tế	Chấp nhận ISO/TR 21582:2021	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
527.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Ứng dụng của ngưỡng quan tâm về độc tính (TTC) để đánh giá tính tương thích sinh học của các thành phần thiết bị y tế	Chấp nhận ISO/TS 21726:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
528.		Thiết bị y tế sử dụng mô động vật và các dẫn xuất của chúng - Phần 1: Ứng dụng quản lý rủi ro	Chấp nhận ISO 22442-1:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
529.		Thiết bị y tế sử dụng mô động vật và các dẫn xuất của chúng - Phần 2: Kiểm soát nguồn cung ứng, thu thập và xử lý	Chấp nhận ISO 22442-2:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
530.		Thiết bị y tế sử dụng mô động vật	Chấp nhận ISO 22442-	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		và các dẫn xuất của chúng - Phần 4: Nguyên tắc loại bỏ và / hoặc bất hoạt các tác nhân gây bệnh não xốp có thể truyền nhiễm (TSE) và các xét nghiệm xác nhận cho các quá trình đó	4:2010						
531.		Trang thiết bị y tế - Áp dụng quản lý rủi ro đối với TTBYT	Chấp nhận ISO 14971:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
532.		Trang thiết bị y tế - Công nhận các nguyên tắc thiết yếu về an toàn và tính năng trang thiết bị y tế - Phần 1: Các nguyên tắc cơ bản chung và các nguyên tắc cơ bản cụ thể bổ sung cho tất cả các thiết bị y tế non - IVD và hướng dẫn lựa chọn tiêu chuẩn	Chấp nhận ISO 16142-1:2016	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
533.		Trang thiết bị y tế - Công nhận các nguyên tắc thiết yếu về an toàn và tính năng trang thiết bị y tế - Phần 2: Các nguyên tắc cơ bản chung và các nguyên tắc cơ bản cụ thể bổ sung cho tất cả các thiết bị y tế IVD và hướng dẫn lựa chọn tiêu chuẩn	Chấp nhận ISO 16142-2:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
534.		Phòng thí nghiệm y tế - Yêu cầu về chất lượng và năng lực	ISO 15190:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
535.		Phòng thí nghiệm y tế - Yêu cầu đối với việc thu thập, vận chuyển, nhận và xử lý mẫu	Chấp nhận ISO/TS 20658:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
536.		Thiết bị y tế chẩn đoán in vitro - Nghiên cứu hoạt động lâm sàng sử dụng bệnh phẩm từ đối tượng người - Thực hành tốt	Chấp nhận ISO 20916:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
537.		Thiết bị y tế chẩn đoán in vitro - Yêu cầu đối với các giao thức hài hòa quốc tế thiết lập khả năng truy xuất nguồn gốc đo lường của các giá trị được chỉ định cho mẫu chuẩn và mẫu người	Chấp nhận ISO 21151:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
538.		Thiết bị y tế chẩn đoán in vitro - Thử nghiệm phân tử đa phân tử đối với axit nucleic - Phần 1: Thuật ngữ và yêu cầu chung để đánh giá chất lượng axit nucleic	Chấp nhận ISO 21474-1:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
539.		Hướng dẫn cho người giám sát và vận hành thiết bị kiểm tra tại điểm chăm sóc (POCT)	Chấp nhận ISO /TS 22583:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
540.		Kiểm tra chẩn đoán phân tử trong ống nghiệm - Thông số kỹ thuật cho các quy trình trước khi kiểm tra các chất chuyển hóa trong nước tiểu, huyết thanh tĩnh mạch và huyết tương	Chấp nhận ISO 23118:2021	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
541.		Thiết bị y tế chẩn đoán in vitro - Đánh giá độ ổn định của thuốc thử chẩn đoán in vitro	Chấp nhận ISO 23460:2011	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
542.		Quản lý rủi ro sinh học cho các phòng thí nghiệm và các tổ chức liên quan khác	Chấp nhận ISO 35001:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
543.		Quang học và quang tử - Laser và thiết bị liên quan đến laser - Từ vựng và ký hiệu	Chấp nhận ISO 11145:2018	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
544.		Laser và các thiết bị liên quan đến laser - Phương pháp kiểm tra độ rộng chùm tia laser, góc phân kỳ và tỷ lệ truyền chùm tia - Phần 1: Chùm tia xitômét và đơn giản	Chấp nhận ISO 11146-1:2021	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
545.		Laser và các thiết bị liên quan đến laser - Phương pháp kiểm tra độ rộng chùm tia laser, góc phân kỳ và tỷ lệ truyền chùm tia - Phần 2: Chùm astigmatic chung	Chấp nhận ISO 11146-2:2021	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
546.		Laser và các thiết bị liên quan đến laser - Phương pháp kiểm tra độ rộng chùm tia laser, góc phân kỳ và tỷ lệ truyền chùm tia - Phần 3: Phân loại chùm tia laser bên trong và hình học, sự lan truyền và chi tiết của các phương pháp thử nghiệm	Chấp nhận ISO 11146-3:2004	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
547.		Quang học và quang tử - Laser và thiết bị liên quan đến laser - Phương pháp thử độ hấp thụ của các thành phần laser quang học	Chấp nhận ISO 11551:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
548.		Quang học và quang tử - Laser và thiết bị liên quan đến laser - Phương pháp kiểm tra công suất chùm tia laser, đặc điểm năng lượng và thời gian	Chấp nhận ISO 11554:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
549.		Quang học nhãn khoa - Khung kính - Danh sách các thuật ngữ và từ vựng tương đương	Chấp nhận ISO 7998:2005	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
550.		Nhãn khoa - Kiểm tra thị lực - Các mẫu thị lực tiêu chuẩn và lâm sàng và cách trình bày	Chấp nhận ISO 8596:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
551.		Dụng cụ nhãn khoa - Áp kế	Chấp nhận ISO 8612:2009	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
552.		Quang học nhãn khoa - Khung kính - Hệ thống đo lường và từ vựng	Chấp nhận ISO 8624:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
553.		Máy khử rung tim - Cụm đầu nối DF-1 cho máy khử rung tim cấy ghép - Kích thước và yêu cầu kiểm tra	Chấp nhận ISO 11318:2002	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
554.		Vật cấy ghép phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép chủ động - Phần 1: Yêu cầu chung về an toàn, ghi nhãn và thông tin do nhà sản xuất cung cấp	Chấp nhận ISO 14708-1:2014	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
555.		Vật cấy ghép phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép chủ động - Phần 2: Máy tạo nhịp tim	Chấp nhận ISO 14708-2:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
556.		Vật cấy ghép phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép chủ động - Phần 3: Các chất kích thích thần kinh cấy ghép	Chấp nhận ISO 14708-3:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
557.		Vật cấy ghép phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép chủ động - Phần 4: Máy bơm truyền dịch cấy ghép	Chấp nhận ISO 14708-4:2008	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
558.		Vật cấy ghép phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép chủ động - Phần 5: Các thiết bị hỗ trợ tuần hoàn	Chấp nhận ISO 14708-5:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
559.		Vật cấy ghép phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép chủ động - Phần 6: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị y tế cấy ghép đang hoạt động nhằm điều trị rối loạn nhịp tim nhanh (bao gồm cả máy khử rung tim có thể cấy ghép)	Chấp nhận ISO 14708-6:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
560.		Vật cấy ghép phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép chủ động - Phần 7: Yêu cầu cụ thể đối với hệ thống cấy ghép ốc tai điện tử và thân não thính giác	Chấp nhận ISO 14708-7:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
561.		Thiết bị quản lý nhịp tim - Các ký hiệu được sử dụng với nhãn thiết bị quản lý nhịp tim và thông tin cần cung cấp - Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 27185:2012	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
562.		Thiết bị y tế cấy ghép tích cực - Hệ thống đầu nối bốn cực cho thiết bị	Chấp nhận ISO 27186:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		quản lý nhịp tim cây ghép - Yêu cầu về kích thước và thử nghiệm							
563.		Thiết bị truyền máu dùng trong y tế - Phần 3: Bộ lấy máu sử dụng một lần	Chấp nhận ISO 1135-3:2016	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
564.		Thiết bị truyền máu dùng trong y tế - Phần 4: Bộ truyền dịch để sử dụng một lần, nguồn cấp dữ liệu trọng lực	Chấp nhận ISO 1135-4:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
565.		Thiết bị truyền máu dùng trong y tế - Phần 5: Bộ truyền dịch sử dụng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 1135-5:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
566.		Hộp đựng có thể gập lại bằng nhựa cho máu người và các thành phần của máu - Phần 1: Hộp đựng thông thường	Chấp nhận ISO 3826-1:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
567.		Hộp đựng có thể gập lại bằng nhựa cho máu người và các thành phần của máu - Phần 2: Các ký hiệu đồ họa để sử dụng trên nhãn và tờ rơi hướng dẫn	Chấp nhận ISO 3826-2:2008	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
568.		Hộp đựng máu có thể gập lại bằng nhựa cho máu người và các thành phần của máu - Phần 3: Hệ thống túi máu tích hợp các tính năng	Chấp nhận ISO 3826-3:2006	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
569.		Hộp đựng bằng nhựa có thể đóng mở cho máu và các thành phần của	Chấp nhận ISO 3826-4:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		máu - Phần 4: Hệ thống túi máu Aphaeresis với các tính năng tích hợp							
570.		Hộp đựng và phụ kiện tiêm - Phần 1: Lọ tiêm làm bằng ống thủy tinh	Chấp nhận ISO 8362-1:2018	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
571.		Hộp đựng và phụ kiện tiêm - Phần 2: Nắp đậy lọ tiêm	Chấp nhận ISO 8362-2:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
572.		Hộp đựng và phụ kiện tiêm - Phần 3: Nắp nhôm cho lọ tiêm	Chấp nhận ISO 8362-3:2001	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
573.		Hộp đựng và phụ kiện tiêm - Phần 4: Lọ tiêm làm bằng thủy tinh đúc	Chấp nhận ISO 8362-4:2011	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
574.		Hộp đựng và phụ kiện tiêm - Phần 5: Đóng đông làm khô cho lọ tiêm	ISO 8362-5:2016	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
575.		Hộp đựng và phụ kiện tiêm - Phần 6: Nắp làm bằng nhôm-nhựa kết hợp cho lọ tiêm	Chấp nhận ISO 8362-6:2010	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
576.		Hộp đựng và phụ kiện tiêm - Phần 7: Nắp tiêm làm bằng kết hợp nhôm-nhựa mà không có phần nhựa chồng lên nhau	Chấp nhận ISO 8362-7:2006	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
577.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 6: Đóng đông làm khô chai dịch truyền	Chấp nhận ISO 8536-6:2016	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
578.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 7: Nắp làm bằng nhôm-nhựa	Chấp nhận ISO 8536-7:2009	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		kết hợp cho chai dịch truyền							
579.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 8: Bộ truyền dịch sử dụng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-8:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
580.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 9: Đường dẫn chất lỏng sử dụng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-9:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
581.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 10: Phụ kiện cho đường truyền chất lỏng sử dụng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-10:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
582.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 11: Bộ lọc dịch truyền để sử dụng một lần với thiết bị truyền áp lực	Chấp nhận ISO 8536-11:2015	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
583.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 12: Kiểm tra van để sử dụng một lần	Chấp nhận ISO 8536-12:2021	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
584.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 13: Bộ điều chỉnh lưu lượng chia độ để sử dụng một lần với chất lỏng tiếp xúc	Chấp nhận ISO 8536-13:2016	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
585.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 14: Kẹp và bộ điều chỉnh dòng chảy cho thiết bị truyền và truyền dịch không tiếp xúc với chất	Chấp nhận ISO 8536-14:2016	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lồng							
586.		Các bộ phận đàn hồi cho đường tiêm và cho các thiết bị dùng trong dược phẩm - Phần 1: Chất chiết xuất trong nước tiệt trùng	Chấp nhận ISO 8871-1:2003	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
587.		Các bộ phận đàn hồi cho đường tiêm và cho các thiết bị dùng trong dược phẩm - Phần 2: Nhận dạng và đặc điểm	Chấp nhận ISO 8871-2:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
588.		Các bộ phận đàn hồi cho đường tiêm và cho các thiết bị dùng trong dược phẩm - Phần 3: Xác định số lượng hạt giải phóng	Chấp nhận ISO 8871-3:2003	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
589.		Các bộ phận đàn hồi cho đường tiêm và cho các thiết bị dùng trong dược phẩm - Phần 4: Yêu cầu sinh học và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 8871-4:2006	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
590.		Các bộ phận đàn hồi cho đường tiêm và cho các thiết bị dùng trong dược phẩm - Phần 5: Yêu cầu chức năng và thử nghiệm	Chấp nhận ISO 8871-5:2016	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
591.		Trang thiết bị y tế - Thiết bị truyền dịch di động không chạy bằng điện	Chấp nhận ISO 28620:2020	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
592.		Thiết bị y tế - Bộ truyền máu và phương pháp kiểm tra tính tương thích của túi máu	Chấp nhận ISO/TS 23128:2019	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
593.		Thiết bị y tế - Thử nghiệm bảo tử ống bơm - Quy trình chung	Chấp nhận ISO/TR 19727:2017	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
594.		Thiết bị tiêm truyền y tế - Nắp nhựa có lớp lót đàn hồi chèn cho các vật chứa được sản xuất bằng quy trình đóng kín thổi khí (BFS)	Chấp nhận ISO 15759:2005	Hội TBYT Việt Nam	2022	2023			
X. BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ									
595.		Bảo mật thông tin – Tiêu chí và phương pháp đánh giá bảo mật hệ thống sinh trắc học – Phần 1: Phần khung	Xây dựng mới trên cơ sở Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 19989-1:2020 “Information security – Criteria and methodology for security evaluation of biometric systems – Part 1: Framework”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2022	2023			
596.		Bảo mật thông tin – Tiêu chí và phương pháp đánh giá bảo mật hệ thống sinh trắc học – Phần 2: Hiệu suất nhận dạng sinh trắc học	Xây dựng mới trên cơ sở Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 19989-2:2020 “Information security – Criteria and methodology for security evaluation of biometric systems – Part 2: Biometric recognition performance”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2022	2023			
597.		Bảo mật thông tin – Tiêu chí và phương pháp đánh giá bảo mật hệ thống sinh trắc học – Phần 3: Trình bày phát hiện tấn công	Xây dựng mới trên cơ sở Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 19989-3:2020 “Information security – Criteria and methodology for security	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			evaluation of biometric systems – Part 3: Presentation attack detection”						
598.		Bảo mật thông tin – Kỹ thuật an toàn – Chuyển đổi dữ liệu xác thực – Phần 1: Giới thiệu chung	Xây dựng mới trên cơ sở Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 23264-1:2021 “Information security – Redaction of authentic data – Part 1: General”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2022	2023			
599.		Bảo mật thông tin – Kỹ thuật an toàn – Mã hóa có xác thực	Xây dựng mới trên cơ sở Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 19772:2020 “Information security – Authenticated encryption”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2022	2023			
600.		Bảo mật thông tin – Kỹ thuật an toàn – Yêu cầu công cụ kiểm tra và phương pháp hiệu chuẩn công cụ kiểm tra để sử dụng trong kiểm tra các kỹ thuật giảm thiểu tấn công không xâm lấn trong mô- đun mật mã – Phần 1: Công cụ và kỹ thuật kiểm tra	Xây dựng mới trên cơ sở Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 20085-1:2019 “IT Security techniques – Test tool requirements and test tool calibration methods for use in testing non – invasive attack mitigation techniques in cryptographic modules – Part 1: Test tools and techniques”	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2022	2023			
601.		Bảo mật thông tin – Kỹ thuật an toàn – Yêu cầu công cụ kiểm tra và phương pháp hiệu chuẩn công cụ kiểm tra để sử dụng trong kiểm tra các kỹ thuật giảm thiểu tấn công không xâm lấn trong mô- đun mật mã – Phần 2: Kiểm tra phương pháp	Xây dựng mới trên cơ sở Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 20085-2:2019 “IT Security techniques – Test tool requirements and test tool calibration methods for use in testing non – invasive	Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		và thiết bị hiệu chuẩn	attack mitigation techniques in cryptographic modules – Part 2: Test calibration methods and apparatus”						
XI. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ									
Công nghệ thông tin – Internet vạn vật									
602.		Công nghệ thông tin — Internet vạn vật — Từ vựng	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 20924:2021	TCVN/JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2022	2023			
603.		Internet vạn vật (IoT) — Khả năng liên thông, liên tác đối với các hệ thống IoT — Phần 1: Khuôn khổ chung	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 21823-1:2019	TCVN/JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2022	2023			
604.		Internet vạn vật (IoT) — Khả năng liên thông, liên tác đối với các hệ thống IoT — Phần 2: Khả năng liên thông, liên tác tầng giao vận	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 21823-2:2020	TCVN/JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2022	2023			
Công nghệ thông tin – Điện toán đám mây									
605.		Công nghệ thông tin – Tính toán mây – Phần 1: Từ vựng;	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 22123-1:2021	TCVN/JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2022	2023			Viện TCCL VN
606.		Công nghệ thông tin – Tính toán mây – Hướng dẫn xây dựng chính sách;	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/IEC TR 22678:2019	TCVN/JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2022	2023			
607.		Công nghệ thông tin – Tính toán mây – Kỹ thuật và công nghệ chung.	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/IEC TS 23167:2020	TCVN/JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Công nghệ thông tin – Quản lý dịch vụ									
608.		Công nghệ thông tin - Quản lý dịch vụ - Phần 1: Các yêu cầu hệ thống quản lý dịch vụ	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 20000-1:2018	TCVN/JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2022	2023			
609.		Công nghệ thông tin- Quản lý dịch vụ - Phần 2: Hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý dịch vụ	Soát xét, sửa đổi 8695-2:2011 (ISO/IEC 20000-2:2005)	TCVN/JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2022	2023			
610.		Công nghệ thông tin - Quản lý dịch vụ - Phần 3: Hướng dẫn phạm vi định nghĩa và áp dụng 8695-1 (ISO/IEC 20000-1)	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 20000-3:2019	TCVN/JTC1 <i>Công nghệ thông tin</i>	2022	2023			
Sản xuất thông minh									
611.		Hệ thống tự động hóa và tích hợp - Tích hợp nâng cao năng lực kiểm soát và tối ưu hóa quá trình cho các hệ thống sản xuất - Phần 1: Khung và mô hình chức năng (Automation systems and integration — Integration of advanced process control and optimization capabilities for manufacturing systems — Part 1: Framework and functional model)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 15746-1:2015	TCVN/TC184 - Hệ thống tự động hoá và tích hợp	2022	2023			
612.		Hệ thống tự động hóa và tích hợp - Tích hợp nâng cao năng lực kiểm soát và tối ưu hóa quá trình cho các hệ thống sản xuất - Phần 2: Mô hình hoạt động và trao đổi thông tin (Automation systems and	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 15746-2:2017	TCVN/TC184 - Hệ thống tự động hoá và tích hợp	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		integration — Integration of advanced process control and optimization capabilities for manufacturing systems — Part 2: Activity models and information exchange)							
613.		Hệ thống tự động hóa và tích hợp - Tích hợp nâng cao năng lực kiểm soát và tối ưu hóa quá trình cho các hệ thống sản xuất - Phần 3: Thẩm định và xác nhận (Automation systems and integration — Integration of advanced process control and optimization capabilities for manufacturing systems — Part 3: Verification and validation)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 15746-3:2020	TCVN/TC184 - Hệ thống tự động hoá và tích hợp	2022	2023			
614.		Hệ thống tự động hóa và tích hợp - Đánh giá hiệu quả năng lượng và các yếu tố khác của hệ thống sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường - Phần 1: Tổng quan và nguyên tắc chung (Automation systems and integration — Evaluating energy efficiency and other factors of manufacturing systems that influence the environment — Part 1: Overview and general principles)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 20140-1:2019	TCVN/TC184 - Hệ thống tự động hoá và tích hợp	2022	2023			
615.		Hệ thống tự động hóa và tích hợp - Đánh giá hiệu quả năng lượng và các yếu tố khác của hệ thống sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường -	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 20140-2:2018	TCVN/TC184 - Hệ thống tự động hoá và tích hợp	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 2: Quy trình đánh giá hiệu suất môi trường (Automation systems and integration — Evaluating energy efficiency and other factors of manufacturing systems that influence the environment — Part 2: Environmental performance evaluation process)							
616.		Hệ thống tự động hóa và tích hợp - Đánh giá hiệu quả năng lượng và các yếu tố khác của hệ thống sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường - Phần 3: Quy trình tổng hợp dữ liệu đánh giá hiệu quả môi trường (Automation systems and integration — Evaluating energy efficiency and other factors of manufacturing systems that influence the environment — Part 3: Environmental performance evaluation data aggregation process)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 20140-3:2019	TCVN/TC184 - Hệ thống tự động hoá và tích hợp	2022	2023			
617.		Hệ thống tự động hóa và tích hợp - Đánh giá hiệu quả năng lượng và các yếu tố khác của hệ thống sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường - Phần 5: Dữ liệu đánh giá hiệu quả môi trường (Automation systems and integration — Evaluating energy efficiency and other factors of manufacturing5 systems that	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 20140-5:2017	TCVN/TC184 - Hệ thống tự động hoá và tích hợp	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		influence the environment — Part 5: Environmental performance evaluation data)							
Quản lý chất thải									
618.		Phương pháp thử xác định mật độ khối của phân chất thải rắn (<i>Standard Test Method for Determining the Bulk Density of Solid Waste Fractions</i>)	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ASTM E 1109-19	TCVN/TC 200 Chất thải rắn	2022	2023			
619.		Phương pháp thử đo lưu lượng của các hoạt động thiết bị thu hồi tài nguyên (<i>Standard Test Method for Measuring the Throughput of Resource-Recovery Unit Operations</i>)	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ASTM D 1107-15	TCVN/TC 200 Chất thải rắn	2022	2023			
Hệ thống cấp, thoát nước và hệ thống nước thải phục vụ đô thị thông minh									
620.		Hướng dẫn quản lý các công trình cấp nước và hệ thống nước thải – Phần 1: Mạng lưới phân phối nước uống (<i>Guidelines for the management of assets of water supply and wastewater systems – Part 1: Drinking water distribution networks</i>)	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 24516-1:2016	TCVN/TC 224 Các dịch vụ liên quan đến hệ thống nước uống, hệ thống nước thải	2022	2023			
621.		Hướng dẫn quản lý các công trình cấp nước và hệ thống nước thải – Phần 2: Các hoạt động phân phối nước	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 24516-2:2019	TCVN/TC 224 Các dịch vụ liên quan đến hệ thống nước	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>(Guidelines for the management of assets of water supply and wastewater systems – Part 2: Waterworks)</i>		uống, hệ thống nước thải					
622.		Hướng dẫn quản lý các công trình cấp nước và hệ thống nước thải – Phần 3: Mạng lưới thu gom nước thải <i>(Guidelines for the management of assets of water supply and wastewater systems – Part 3: Wastewater collection networks)</i>	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 24516-3:2017	TCVN/TC 224 Các dịch vụ liên quan đến hệ thống nước uống, hệ thống nước thải	2022	2023			
623.		Hướng dẫn quản lý các công trình cấp nước và hệ thống nước thải – Phần 3: Nhà máy xử lý nước thải, cơ sở xử lý bùn thải, trạm bơm và các cơ sở lưu giữ <i>(Guidelines for the management of assets of water supply and wastewater systems – Part 4: Wastewater treatment plants, sludge treatment facilities, pumping stations, retention and detention facilities)</i>	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 24516-4:2019	TCVN/TC 224 Các dịch vụ liên quan đến hệ thống nước uống, hệ thống nước thải	2022	2023			
Robot									
624.		Vận hành robot công nghiệp – Chỉ tiêu tính năng và phương pháp thử <i>Manipulating industrial robots -- Performance criteria and related test methods</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 9283:1998	TCVN/TC 299 Robot	2022	2023			
625.		Robot và thiết bị robot – Hệ thống tọa độ và chuyển động danh nghĩa	Xây dựng mới Chấp nhận	TCVN/TC 299 Robot	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Robots and robotic devices -- Coordinate systems and motion nomenclatures</i>	ISO 9787:2013						
626.		Vận hành robot công nghiệp – Biểu thị đặc trưng <i>Manipulating industrial robots -- Presentation of characteristics</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 9946:1999	TCVN/TC 299 Robot	2022	2023			
627.		Vận hành robot công nghiệp – Hướng dẫn thực hành trên thiết bị thử và thiết bị đo để xác định tính năng theo ISO 9283 <i>Manipulating industrial robots -- Informative guide on test equipment and metrology methods of operation for robot performance evaluation in accordance with ISO 9283</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TR 13309:2015	TCVN/TC 299 Robot	2022	2023			
628.		Robot và thiết bị robot – Robot phức hợp <i>Robots and robotic devices -- Collaborative robots</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 15066:2016	TCVN/TC 299 Robot	2022	2023			
Các sản phẩm điện và điện tử trong sản xuất thông minh									
629.		Thiết kế có ý thức về môi trường (ECD) - Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn <i>Environmentally conscious design (ECD) - Principles, requirements and guidance</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 62430:2019	TCVN/TC/E3 Thiết bị điện tử dân dụng	2022	2023			
630.		Công bố vật liệu cho các sản phẩm của và cho ngành kỹ thuật điện <i>Material declaration for products of and for the electrotechnical</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 62474:2020	TCVN/TC/E3 Thiết bị điện tử dân dụng	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>industry</i>							
631.		Công bố vật liệu cho các sản phẩm của và cho ngành kỹ thuật điện - Phần 1: Hướng dẫn thực hiện IEC 62474 <i>Material declaration for products of and for the electrotechnical industry - Part 1: Guidance for the implementation of IEC 62474</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC TR 62474-1:2015	TCVN/TC/E3 Thiết bị điện tử dân dụng	2022	2023			
632.		Hướng dẫn đánh giá sản phẩm liên quan đến các hạn chế sử dụng chất cơ bản trong các sản phẩm điện và điện tử <i>Guidance for evaluation of product with respect to substance-use restrictions in electrical and electronic products</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC TR 62476:2010	TCVN/TC/E3 Thiết bị điện tử dân dụng	2022	2023			
633.		Hài hòa các tiêu chí về tính năng môi trường đối với các sản phẩm điện và điện tử - Nghiên cứu khả thi <i>Harmonization of environmental performance criteria for electrical and electronic products - Feasibility study</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC TR 63212:2020	TCVN/TC/E3 Thiết bị điện tử dân dụng	2022	2023			
Xác thực nguồn gốc và truy xuất nguồn gốc rau quả									
634.		Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng nước quả <i>Traceability – Requirements for supply chain of fruit juice</i>	Xây dựng mới Tham khảo AIJN traceability of fruit juice	TCVN/TC/F10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2022	2023			
635.		Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi <i>Traceability – Requirements for</i>	Soát xét TCVN 12827:2019	TCVN/TC/F10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>supply chain of fresh fruits and vegetables</i>							
636.		Nước rau quả – Xác định tỷ lệ đồng vị cacbon bền ($^{13}\text{C}/^{12}\text{C}$) của ethanol trong nước quả – Phương pháp đo phổ khối lượng tỷ lệ đồng vị <i>Fruit and vegetable juices – Determination of the stable carbon isotope ratio ($^{13}\text{C}/^{12}\text{C}$) of ethanol from fruits juices – Method using isotope ratio mass spectrometry</i>	Xây dựng mới Tham khảo AOAC 2004.01	TCVN/TC/F10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2022	2023			
637.		Nước rau quả – Xác định tỷ lệ đồng vị cacbon bền ($^{13}\text{C}/^{12}\text{C}$) của đường trong nước quả – Phương pháp đo phổ khối lượng tỷ lệ đồng vị <i>Fruit and vegetable juices – Determination of the stable carbon isotope ratio ($^{13}\text{C}/^{12}\text{C}$) of sugars from fruits juices – Method using isotope ratio mass spectrometry</i>	Xây dựng mới Tham khảo ENV 12140:1996	TCVN/TC/F10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2022	2023			
638.		Nước rau quả – Xác định tỷ lệ đồng vị oxy bền ($^{18}\text{O}/^{16}\text{O}$) của nước trong nước quả – Phương pháp đo phổ khối lượng tỷ lệ đồng vị <i>Fruit and vegetable juices – Determination of the stable oxygen isotope ($^{18}\text{O}/^{16}\text{O}$) of water from fruit juices – Method using isotope ratio mass spectrometry</i>	Xây dựng mới Tham khảo ENV 12141:1996	TCVN/TC/F10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2022	2023			
639.		Nước rau quả – Xác định tỷ lệ đồng vị hydro bền ($^2\text{H}/^1\text{H}$) của nước trong nước quả – Phương pháp đo phổ khối lượng tỷ lệ đồng vị	Xây dựng mới Tham khảo ENV 12142:1996	TCVN/TC/F10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Fruit and vegetable juices – Determination of the stable hydrogen isotope ratio ($^2H/^1H$) of water from fruit juices – Method using isotope ratio mass spectrometry</i>							
640.		Nước rau quả – Xác định tỷ lệ đồng vị cacbon bền ($^{13}C/^{12}C$) của bột thịt quả trong nước quả – Phương pháp đo phổ khối lượng tỷ lệ đồng vị <i>Fruit and vegetable juices – Determination of the stable carbon isotope ratio ($^{13}C/^{12}C$) in the pulp of fruit juices – Method using isotope ratio mass spectrometry</i>	Xây dựng mới Tham khảo ENV 13070:1998	TCVN/TC/F10 <i>Rau quả và sản phẩm rau quả</i>	2022	2023			
Xác thực nguồn gốc và truy xuất nguồn gốc mật ong									
641.		Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng mật ong <i>Traceability – Requirements for supply chain of honey</i>	Xây dựng mới Tham khảo Traceability for Honey-EU TRACE	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			
642.		Thực phẩm – Xác định các sản phẩm đường thực vật C-4 trong mật ong bằng phương pháp tỷ lệ đồng vị cacbon bền <i>Foods – Determination of C-4 plant sugars in honey by internal standard stable carbon isotope ratio method</i>	Xây dựng mới Tham khảo AOAC 998.12, GB/T 18932.1-2002	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			
643.		Mật ong – Xác định hàm lượng các loại đường – Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) <i>Honey – Determination of the</i>	Xây dựng mới Tham khảo DIN 10758:1997-05 và IHC 2009	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>content of sugars – HPLC method</i>							
644.		Mật ong – Xác định hàm lượng phần hoa tương đối <i>Honey – Determination of the relative pollen content</i>	Xây dựng mới Tham khảo DIN 10760:2002-05	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			
Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ									
645.		Mật ong hữu cơ <i>Organic honey</i>	Xây dựng mới Tham khảo CXG 32, TAS 9000 Part 6-2013, GB/T 19630-2019	TCVN/TC/F3/ SC1 <i>Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ</i>	2022	2023			
646.		Rong biển hữu cơ <i>Organic seaweed</i>	Xây dựng mới Tham khảo EC. No 889/2008	TCVN/TC/F3/ SC1 <i>Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ</i>	2022	2023			
647.		Nấm hữu cơ <i>Organic mushroom</i>	Xây dựng mới Tham khảo CAN/CGSB- 32.310, Part 7.3	TCVN/TC/F3/ SC1 <i>Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ</i>	2022	2023			
648.		Rau mầm hữu cơ <i>Organic sprouts, shoots and microgreens</i>	Xây dựng mới Tham khảo CAN/CGSB- 32.310, Part 7.4	TCVN/TC/F3/ SC1 <i>Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ</i>	2022	2023			
649.		Yêu cầu đối với trồng trọt hữu cơ trong nhà màng và trong thùng chứa <i>Organic crops in structures or containers</i>	Xây dựng mới Tham khảo CAN/CGSB- 32.310, Part 7.5	TCVN/TC/F3/ SC1 <i>Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ</i>	2022	2023			
Thực phẩm Halal									
650.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận Halal	Xây dựng mới	TCVN/TC/CAS CO	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
651.		Thực hành nông nghiệp tốt đối với sản phẩm Halal	Xây dựng mới Tham khảo GSO 2215:2012 Good Agricultural Practices – Part 2: Farm GSO 2216:2012 Good Agricultural Practices - Part 1: Fruit & vegetables PNS/BAFS 139:2015 Halal Feeds	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2022	2023			
652.		Thức ăn chăn nuôi halal	Xây dựng mới Tham khảo GSO 2578:2021 Halal Feedstuff; PNS/BAFS 139:2015 Halal Feeds	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2022	2023			
653.		Thực phẩm halal – Yêu cầu đối với quá trình giết mổ vật nuôi	Xây dựng mới Tham khảo GSO 993:2015 Animal Slaughtering Requirements PNS/BAFS 103:2016 Code of Halal Slaughtering Practices for Poultry	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2022	2023			
Năng lượng gió									
654.		Hệ thống phát điện gió – Phần 12-1: Phép đo công suất của tuabin gió phát điện <i>Wind energy generation systems - Part 12-1: Power performance measurements of electricity producing wind turbines</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 61400-12-1:2017 Edition 2.0 (2017-03-03) COR 1:2019, COR2:2020, COR3:2021	TCVN/TC/E13 Năng lượng tái tạo	2022	2023			
655.		Hệ thống phát điện gió – Phần 12-2: Công suất của tuabin gió phát	Xây dựng mới Chấp nhận	TCVN/TC/E13 Năng lượng tái	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		điện dựa trên phép đo gió trên vỏ tuabin <i>Wind turbines - Part 12-2: Power performance of electricity-producing wind turbines based on nacelle anemometry</i>	IEC 61400-12-2:2013 Edition 1.0 (2013-03-28) COR1:2016	tạo					
656.		Hệ thống phát điện gió – Phần 12-4: Hiệu chuẩn số vị trí để thử nghiệm công suất tuabin <i>Wind energy generation systems - Part 12-4: Numerical site calibration for power performance testing of wind turbines</i>	Xây dựng mới Chấp nhận EC TR 61400-12-4:2020 Edition 1.0 (2020-09-22)	TCVN/TC/E13 Năng lượng tái tạo	2022	2023			
Nhiên liệu sinh học dạng rắn									
657.		Nhiên liệu sinh học dạng rắn – Xác định hàm lượng tro <i>Solid biofuels — Determination of ash content</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18122:2015	TCVN/TC 238 Nhiên liệu sinh học dạng rắn	2022	2023			
658.		Nhiên liệu sinh học dạng rắn – Xác định độ ẩm – Phương pháp sấy khô kiệt – Phần 1: Tổng độ ẩm – Phương pháp đối chứng <i>Solid biofuels — Determination of moisture content — Oven dry method — Part 1: Total moisture — Reference method</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18134-1:2015	TCVN/TC 238 Nhiên liệu sinh học dạng rắn	2022	2023			
659.		Nhiên liệu sinh học dạng rắn – Xác định độ ẩm – Phương pháp sấy khô kiệt – Phần 2: Tổng độ ẩm – Phương pháp đơn giản	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18134-2:2017	TCVN/TC 238 Nhiên liệu sinh học dạng rắn	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Solid biofuels — Determination of moisture content — Oven dry method — Part 2: Total moisture — Simplified method</i>							
660.		Nhiên liệu sinh học dạng rắn – Xác định độ ẩm – Phương pháp sấy khô kiệt – Phần 3: Độ ẩm trong mẫu phân tích chung <i>Solid biofuels — Determination of moisture content — Oven dry method — Part 3: Moisture in general analysis sample</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18134-3:2015	TCVN/TC 238 Nhiên liệu sinh học dạng rắn	2022	2023			
661.		Nhiên liệu sinh học dạng rắn – Chuẩn bị mẫu <i>Solid biofuels — Sample preparation</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 14780:2017 và Amd 1:2019	TCVN/TC 238 Nhiên liệu sinh học dạng rắn	2022	2023			
662.		Nhiên liệu sinh học dạng rắn – Xác định nhiệt trị <i>Solid biofuels — Determination of calorific value</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18125:2017	TCVN/TC 238 Nhiên liệu sinh học dạng rắn	2022	2023			
Công nghệ nano									
663.		Công nghệ Nano – Đánh giá rủi ro cho vật liệu Nano. (Nanotechnologies — Nanomaterial risk evaluation)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TR 13121:2011	TCVN/TC229 Công nghệ Nano	2022	2023			
664.		Công nghệ Nano - Ống Cacbon Nano dạng huyền phù – Đặc tính kỹ thuật và phương pháp thử. (Nanotechnologies — Carbon nanotube suspensions — Specification of characteristics and measurement methods)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 19808:2020	TCVN/TC229	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
665.		Công nghệ nano – Hạt nano dạng bột – Đặc tính và phương pháp thử (Nanotechnology — Nanoparticles in powder form — Characteristics and measurements)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 17200:2020	Công nghệ Nano	2022	2023			
666.		Công nghệ Nano – Phép đo phân bố kích thước và hình dạng hạt bằng kính hiển vi điện tử quét (SEM). (Nanotechnologies — Measurements of particle size and shape distributions by scanning electron microscopy)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 19749:2021	TCVN/TC229	2022	2023			
667.		Công nghệ Nano – Phép đo phân bố kích thước và hình dạng hạt bằng kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM). (Nanotechnologies — Measurements of particle size and shape distributions by transmission electron microscopy)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 21363:2020	TCVN/TC229 Công nghệ Nano	2022	2023			
Xe điện									
668.		PTGTĐB chạy điện – Xác định công suất đẩy của xe điện hybrid	Xây dựng mới chấp nhận ISO 20762:2018	TCVN/TC 22 Phương tiện giao thông đường bộ	2022	2023			
669.		Mô tô và xe máy điện – Thuật ngữ và phân loại	Xây dựng mới chấp nhận 13062:2015	TCVN/TC 22 Phương tiện giao thông đường bộ	2022	2023			
670.		Mô tô và xe máy điện – PPT để đánh giá hiệu suất của hệ thống phanh tái sinh	Xây dựng mới chấp nhận ISO 19466:2017	TCVN/TC 22 Phương tiện giao thông	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
				đường bộ					
671.		Xe mô tô và xe máy điện - Phương pháp thử đánh giá hiệu suất năng lượng sử dụng động lực kế động cơ	Xây dựng mới chấp nhận ISO / DIS 23280	TCVN/TC 22 Phương tiện giao thông đường bộ	2022	2023			
672.		Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện - Thông số kỹ thuật thử nghiệm cho các bộ phận đẩy điện - Phần 1: Các định nghĩa và điều kiện thử nghiệm chung	Xây dựng mới chấp nhận ISO 21782-1:2019	TCVN/TC 22 Phương tiện giao thông đường bộ	2022	2023			
Công ten nơ vận chuyển									
673.		Công ten nơ vận chuyển loạt 1 - Phân loại, kích thước và khối lượng danh định <i>Series 1 freight containers — Classification, dimensions and ratings</i>	Soát xét TCVN 7553:2005 (ISO 668:1995)	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			
674.		Công ten nơ vận chuyển loạt 1 - Bộ phận định vị ở góc - Đặc tính kỹ thuật. <i>Series 1 freight containers — Corner and intermediate fittings — Specifications</i>	Soát xét TCVN 7554 : 2005 (ISO 1161:1984)	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			
675.		Công ten nơ vận chuyển loạt 1 - Đặc tính kỹ thuật và thử nghiệm - Phần 1: Công ten nơ chở hàng thông thường <i>Series 1 freight containers — Specification and testing — Part 1: General cargo containers for general purposes</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 1496-1:2013	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
676.		Công te nơ vận chuyển loạt 1 - Xếp tải và kẹp <i>Series 1 freight containers — Handling and securing</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 3874:2017	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			
677.		Công-te-nơ chở hàng – Xếp dỡ công-te-nơ bằng xe nâng bên trong - Tính toán độ ổn định <i>Freight containers — Straddle carriers for freight container handling — Calculation of stability</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 14829:2002	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			
678.		Công te nơ vận chuyển loạt 1 - Xếp tải và kẹp - Cơ sở lý luận cho ISO 3874:2017, Phụ lục A đến E <i>Series 1 freight containers — Handling and securing — Rationale for ISO 3874:2017, Annexes A to E</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TR 15069:2018	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			
679.		Công te nơ vận chuyển loạt 1 - Cơ sở lý luận cho các tiêu chí kiểm tra kết cấu <i>Series 1 freight containers — Rationale for structural test criteria</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TR 15070:1996	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			
680.		Công te nơ vận chuyển loạt 1 - Đặc tính kỹ thuật và thử nghiệm - Phần 2: Công te nơ bảo ôn <i>Series 1 freight containers — Specification and testing — Part 2: Thermal containers</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 1496-2:2018	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			
681.		Công te nơ vận chuyển loạt 1 - Đặc tính kỹ thuật và thử nghiệm - Phần 3: Công te nơ chứa chất	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 1496-3:2019	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		lồng, khí và hàng hoá khô có áp suất <i>Series 1 freight containers — Specification and testing — Part 3: Tank containers for liquids, gases and pressurized dry bulk</i>							
682.		Công te nơ vận chuyển loạt 1 - Đặc tính kỹ thuật và thử nghiệm - Phần 5: Công te nơ mặt bằng và dựa vào mặt bằng <i>Series 1 freight containers — Specification and testing — Part 5: Platform and platform-based containers</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 1496-5:2018	TCVN/TC 104 Công ten nơ vận chuyển	2022	2023			
Bao bì									
683.		Bao bì vận chuyển – Thùng chứa để phân phối bằng chất dẻo cứng, có thể sử dụng lại – Phần 1: Sử dụng cho mục đích chung (<i>Transport packaging — Reusable, rigid plastic distribution boxes — Part 1: General purpose application</i>)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18616-1:2016	TCVN/TC 122 <i>Bao bì</i>	2022	2023			
684.		Bao bì vận chuyển – Thùng chứa để phân phối bằng chất dẻo cứng, có thể sử dụng lại – Phần 2: Yêu cầu chung cho thử nghiệm (<i>Transport packaging — Reusable, rigid plastic distribution boxes — Part 2: General specifications for testing</i>)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18616-2:2016	TCVN/TC 122 <i>Bao bì</i>	2022	2023			
685.		Bao bì vận chuyển – Hệ thống Công ten nơ tải trọng nhỏ - Phần 1: Yêu cầu chung và phương pháp thử	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 19709-1:2016	TCVN/TC 122 <i>Bao bì</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>(Transport packaging — Small load container systems — Part 1: Common requirements and test methods)</i>							
686.		Bao bì vận chuyển – Hệ thống Công ten nơ tải trọng nhỏ - Phần 2: Hệ thống xếp chồng thẳng đứng <i>(Transport packaging — Small load container systems — Part 2: Column Stackable System (CSS))</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 19709-2:2016	TCVN/TC 122 <i>Bao bì</i>	2022	2023			
687.		Bao bì vận chuyển – Hệ thống Công ten nơ tải trọng nhỏ - Phần 3: Hệ thống xếp chồng có liên kết <i>(Transport packaging — Small load container systems — Part 3: Bond Stackable System (BSS))</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 19709-3:2016	TCVN/TC 122 <i>Bao bì</i>	2022	2023			
688.		Bao bì vận chuyển – Bao bì vận chuyển bằng đường thủy có kiểm soát nhiệt độ - Phần 1: Yêu cầu chung <i>(Transport packaging — Temperature-controlled transport packages for parcel shipping — Part 1: General requirements)</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 22982-1:2021	TCVN/TC 122 <i>Bao bì</i>	2022	2023			
689.		Bao bì vận chuyển – Bao bì vận chuyển bằng đường thủy có kiểm soát nhiệt độ - Phần 2: Yêu cầu chung để thử nghiệm <i>(Transport Packaging — Temperature controlled transport packages for parcel shipping — Part 2: General specifications of testing)</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 22982-2:2021	TCVN/TC 122 <i>Bao bì</i>	2022	2023			
690.		Bao bì thương mại - <i>Standard Practice for Commercial</i>	Tham khảo ASTM-D3951-18	TCVN/TC 122 <i>Bao bì</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Packaging</i>							
Ổ phích cắm dùng trong công nghiệp									
691.		Phích cắm, ổ cắm cố định và di động và các thiết bị đầu nối dùng cho mục đích công nghiệp – Phần 1: Yêu cầu chung <i>Plugs, fixed or portable socket-outlets and appliance inlets for industrial purposes - Part 1: General requirements</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 60309-1:2021	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
692.		Phích cắm, ổ cắm cố định và di động và các thiết bị đầu nối dùng cho mục đích công nghiệp – Phần 2: Yêu cầu tương thích về kích thước đối với các phụ kiện có chân cắm và có dạng ống tiếp xúc <i>Plugs, fixed or portable socket-outlets and appliance inlets for industrial purposes – Part 2: Dimensional compatibility requirements for pin and contact-tube accessories</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 60309-2:2021	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
693.		Phích cắm, ổ cắm cố định và di động và các thiết bị đầu nối dùng cho mục đích công nghiệp – Phần 4: Ổ cắm tích hợp thiết bị đóng cắt, có hoặc không có khóa liên động <i>Plugs, fixed or portable socket-outlets and appliance inlets for industrial purposes - Part 4: Switched socket-outlets with or</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 60309-4:2021	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>without interlock</i>							
Sản phẩm khí									
694.		Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) – Quy định kỹ thuật đối với LNG sử dụng làm nhiên liệu cho các ứng dụng hàng hải <i>Specification of liquefied natural gas as a fuel for marine applications</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 23306:2020	TCVN/TC 193 Sản phẩm khí	2022	2023			
695.		Khí thiên nhiên – Xác định năng lượng <i>Natural gas — Energy determination</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 23306:2020	TCVN/TC 193 Sản phẩm khí	2022	2023			
Công nghệ khí hóa xử lý chất thải rắn									
696.		Công nghệ khí hóa xử lý chất thải rắn – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới Hướng dẫn của Tổ chức IFC-WorldBank, Directive 76/2010 của EU	TCVN/TC 200 Chất thải rắn	2022	2023			
Thép									
697.		Thép làm cốt bê tông - Thanh có định cốt - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật <i>Steel for the reinforcement of concrete -- Headed bars -- Part 1: Requirements</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 15698-1:2012	TCVN/TC 17 Thép	2022	2023			
698.		Thép làm cốt bê tông - Thanh có định cốt - Phần 2: Phương pháp thử <i>Steel for the reinforcement of concrete -- Headed bars -- Part 2: Test methods</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 15698-2:2012	TCVN/TC 17 Thép	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
699.		Thép làm cốt bê tông - Mỗi nối ống ren - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật <i>Steels for the reinforcement of concrete -- Reinforcement couplers for mechanical splices of bars -- Part 1: Requirements</i>	Soát xét TCVN 8163:2009	TCVN/TC 17 Thép	2022	2023			
700.		Thép làm cốt bê tông - Mỗi nối ống ren - Phần 2: Phương pháp thử <i>Steels for the reinforcement of concrete -- Reinforcement couplers for mechanical splices of bars -- Part 2: Test methods</i>	Soát xét TCVN 8163:2009	TCVN/TC 17 Thép	2022	2023			
701.		Thép làm cốt bê tông - Mỗi nối ống ren - Phần 3: Đánh giá phù hợp <i>Steels for the reinforcement of concrete -- Reinforcement couplers for mechanical splices of bars -- Part 3: Conformity assessment scheme</i>	Soát xét TCVN 8163:2009	TCVN/TC 17 Thép	2022	2023			
Tương thích điện từ									
702.		Đánh giá thiết bị điện và điện tử liên quan đến giới hạn phơi nhiễm lên người trong trường điện từ (0Hz đến 300 GHz) <i>Assessment of electronic and electrical equipment related to human exposure restrictions for electromagnetic fields (0 Hz to 300 GHz)</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 62311:2019	TCVN/TC/E9 Tương thích điện từ	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
703.		Đánh giá sự phù hợp của thiết bị điện và điện tử công suất thấp về các giới hạn cơ bản liên quan đến phơi nhiễm lên người trong trường điện từ (10MHz đến 300 GHz) <i>Assessment of the compliance of low-power electronic and electrical equipment with the basic restrictions related to human exposure to electromagnetic fields (10 MHz to 300 GHz)</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 62479:2010	TCVN/TC/E9 Tương thích điện từ	2022	2023			
704.		Mức trường điện và từ phát ra bởi hệ thống điện xoay chiều (AC) - Quy trình đo liên quan đến phơi nhiễm lên công cộng <i>Electric and magnetic field levels generated by AC power systems - Measurement procedures with regard to public exposure</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 62110:2009	TCVN/TC/E9 Tương thích điện từ	2022	2023			
705.		Đánh giá dòng điện tiếp xúc liên quan đến phơi nhiễm lên người trong trường điện, trường từ và trường điện từ <i>Assessment of contact current related to human exposure to electric, magnetic and electromagnetic fields</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC TR 63167:2018	TCVN/TC/E9 Tương thích điện từ	2022	2023			
706.		Phép đo trường từ ở điện một chiều (DC), trường điện và trường từ ở điện xoay chiều (AC) trong dải tần từ 1 HZ đến 100 kHz có liên quan đến phơi nhiễm lên người - Phần 1: Yêu cầu đối với thiết bị đo	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 61786-1:2013	TCVN/TC/E9 Tương thích điện từ	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Measurement of DC magnetic, AC magnetic and AC electric fields from 1 Hz to 100 kHz with regard to exposure of human beings - Part 1: Requirements for measuring instruments</i>							
707.		Phép đo trường từ ở điện một chiều (DC), trường điện và trường từ ở điện xoay chiều (AC) trong dải tần từ 1 HZ đến 100 kHz có liên quan đến phơi nhiễm lên người - Phần 2: Tiêu chuẩn cơ bản đối với phép đo <i>Measurement of DC magnetic, AC magnetic and AC electric fields from 1 Hz to 100 kHz with regard to exposure of human beings - Part 2: Basic standard for measurements</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 61786-2:2014	TCVN/TC/E9 Tương thích điện từ	2022	2023			
Máy lạnh và Điều hòa không khí									
708.		Hệ thống lạnh và bơm nhiệt – Van – Yêu cầu, thử nghiệm và ghi nhãn <i>Refrigerating systems and heat pumps — Valves — Requirements, testing and marking</i>	Chấp nhận ISO 21922:2021	TCVN/TC 86 Máy lạnh và Điều hòa không khí	2022	2023			
709.		Hệ thống lạnh và bơm nhiệt – Đánh giá độ kín của các bộ phận và mối nối <i>Refrigerating systems and heat pumps — Qualification of tightness of components and joints</i>	Soát xét TCVN 11277:2015 (ISO 14903:2012)	TCVN/TC 86 Máy lạnh và Điều hòa không khí	2022	2023			
710.		Thiết bị đun nước bơm nhiệt – Thử nghiệm và thông số đặc trưng	Chấp nhận ISO 19967-1:2019	TCVN/TC 86 Máy lạnh và	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		về tính năng – Phần 1: Thiết bị đun nước bơm nhiệt để cấp nước nóng <i>Heat pump water heaters — Testing and rating for performance — Part 1: Heat pump water heater for hot water supply</i>		Điều hòa không khí					
711.		Thiết bị đun nước bơm nhiệt – Thử nghiệm và thông số đặc trưng về tính năng – Phần 2: Thiết bị đun nước bơm nhiệt để sưởi <i>Heat pump water heaters — Testing and rating for performance — Part 2: Heat pump water heaters for space heating</i>	Chấp nhận ISO 19967-2:2019	TCVN/TC 86 Máy lạnh và Điều hòa không khí	2022	2023			
712.		Thiết bị đun nước bơm nhiệt – Thử nghiệm và thông số đặc trưng ở điều kiện non tải và tính toán hệ số hiệu quả theo mùa để sưởi <i>Heat pump water heater — Testing and rating at part load conditions and calculation on seasonal coefficient of performance for space heating</i>	Chấp nhận ISO 21978:2021	TCVN/TC 86 Máy lạnh và Điều hòa không khí	2022	2023			
713.		Thử nghiệm các hệ thống lạnh <i>Testing of refrigerating systems</i>	Chấp nhận ISO 916:2020	TCVN/TC 86 Máy lạnh và Điều hòa không khí	2022	2023			
714.		Thiết bị làm lạnh đồ uống thương mại – Phân loại, yêu cầu và phương pháp thử <i>Commercial beverage coolers — Classification, requirements and</i>	Chấp nhận ISO 22044:2021	TCVN/TC 86 Máy lạnh và Điều hòa không khí	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>test conditions</i>							
Tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp									
715.		Tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp – Phần 0: Hướng dẫn xác định các loại tủ điện <i>Low-voltage switchgear and controlgear assemblies – Part 0: Guidance to specifying assemblies</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC TR 61439-0:2013	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
716.		Tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp – Phần 1: Quy tắc chung <i>Low-voltage switchgear and controlgear assemblies – Part 1: General rules</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 61439-1:2020	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
717.		Tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp – Phần 2: Tủ đóng cắt và điều khiển công suất <i>Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 2: Power switchgear and controlgear assemblies</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 61439-2:2020	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
718.		Tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp – Phần 5: Tủ điện dùng cho hệ thống phân phối điện công cộng <i>Low-voltage switchgear and controlgear assemblies - Part 5: Assemblies for power distribution in public networks</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 61439-5:2014	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
719.		Vỏ tủ điện đóng cắt và điều khiển hạ áp – Yêu cầu chung <i>Empty enclosures for low-voltage switchgear and controlgear assemblies - General requirements</i>	Xây dựng mới Chấp nhận IEC 62208:2011	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
An toàn hệ thống phân phối điện hạ áp									
720.		An toàn hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V AC và 1500 V DC – Thiết bị thử nghiệm, đo và giám sát các biện pháp bảo vệ - Phần 1: Yêu cầu chung <i>Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Part 1: General requirements</i>	Xây dựng mới, chấp nhận tiêu chuẩn IEC 61557-1:2019	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
721.		An toàn hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V AC và 1500 V DC – Thiết bị thử nghiệm, đo và giám sát các biện pháp bảo vệ - Phần 2: Điện trở cách điện <i>Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Part 2: Insulation resistance</i>	Xây dựng mới, chấp nhận tiêu chuẩn IEC 61557-2:2019	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
722.		An toàn hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V AC và 1500 V DC – Thiết bị thử nghiệm, đo và giám sát các biện pháp bảo vệ - Phần 3: Trở kháng vòng lặp <i>Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing, measuring or</i>	Xây dựng mới, chấp nhận tiêu chuẩn IEC 61557-3:2019	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>monitoring of protective measures - Part 3: Loop impedance</i>							
723.		An toàn hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V AC và 1500 V DC – Thiết bị thử nghiệm, đo và giám sát các biện pháp bảo vệ - Phần 4: Điện trở nối đất và liên kết đẳng thế <i>Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Part 4: Resistance of earth connection and equipotential bonding</i>	Xây dựng mới, chấp nhận tiêu chuẩn IEC 61557-4:2019	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
724.		An toàn hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V AC và 1500 V DC – Thiết bị thử nghiệm, đo và giám sát các biện pháp bảo vệ - Phần 5: Điện trở đất <i>Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Part 5: Resistance to earth</i>	Xây dựng mới, chấp nhận tiêu chuẩn IEC 61557-5:2019	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
725.		An toàn hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V AC và 1500 V DC – Thiết bị thử nghiệm, đo và giám sát các biện pháp bảo vệ - Phần 6: Hiệu quả của thiết bị dòng dư (RCD) trong các hệ thống TT, TN và IT	Xây dựng mới, chấp nhận tiêu chuẩn IEC 61557-6:2019	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			

N

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Part 6: Effectiveness of residual current devices (RCD) in TT, TN and IT systems</i>							
726.		An toàn hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V AC và 1500 V DC – Thiết bị thử nghiệm, đo và giám sát các biện pháp bảo vệ - Phần 7: Thứ tự pha <i>Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Part 7: Phase sequence</i>	Xây dựng mới, chấp nhận tiêu chuẩn IEC 61557-7:2019	TCVN/TC/E1 Máy điện và khí cụ điện	2022	2023			
Sản phẩm da									
727.		Da – Thuật ngữ (Leather — Vocabulary)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 15115:2019	TCVN/TC 120 <i>Sản phẩm da</i>	2022	2023			
728.		Da – Da thô thuộc crom – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử (Leather — Crust full chrome upper leather — Specifications and test methods)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 20940:2021	TCVN/TC 120 <i>Sản phẩm da</i>	2022	2023			
729.		Da - Xác định hydrocacbon clo trong da - Phần 1: Phương pháp sắc ký cho parafin clo hóa chuỗi mạch ngắn (SCCPs) (Leather —	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18219-1:2021	TCVN/TC 120 <i>Sản phẩm da</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Determination of chlorinated hydrocarbons in leather — Part 1: Chromatographic method for shortchain chlorinated paraffins (SCCPs))							
730.		Da - Xác định hydrocacbon clo trong da - Phần 2: Phương pháp sắc ký cho parafin clo hóa chuỗi trung bình (MCCPs) Leather — Determination of chlorinated hydrocarbons in leather — Part 2: Chromatographic method for middle-chain chlorinated paraffins (MCCPs)	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18219-2:2021	TCVN/TC 120 <i>Sản phẩm da</i>	2022	2023			
731.		Da thuộc thực vật – Phương pháp phân tích vật liệu thuộc da thực vật – Nguyên tắc chung (Standard Practice for Analysis of Vegetable Tanning Materials—General)	Xây dựng mới Chấp nhận ASTM D4899-99 (2020)	TCVN/TC 120 <i>Sản phẩm da</i>	2022	2023			
732.		Da thuộc thực vật – Phương pháp xác định chất không phải tanin và tanin trong chiết xuất từ nguyên liệu thuộc da thực vật (Standard Test Method for Determining Non-Tannins and Tannin in Extracts of Vegetable Tanning Materials)	Xây dựng mới Chấp nhận ASTM D6401-99 (2020)	TCVN/TC 120 <i>Sản phẩm da</i>	2022	2023			
733.		Phương pháp thử xác định khả năng chống lại sự phát triển của nấm mốc của da phèn xanh và da phèn trắng (Standard Test Method for Mold Growth Resistance of Wet Blue and Wet White)	Xây dựng mới Chấp nhận ASTM D4576-16	TCVN/TC 120 <i>Sản phẩm da</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
734.		Phương pháp thử khả năng chống lại sự phát triển của nấm trên bề mặt của da phèn xanh và da phèn trắng trong buồng thử (Standard Test Method for Evaluating the Resistance of the Surface of Wet Blue and Wet White to the Growth of Fungi in an Environmental Chamber)	Xây dựng mới Chấp nhận ASTM D7584-16	TCVN/TC 120 <i>Sản phẩm da</i>	2022	2023			
Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp									
735.		Máy kéo dùng trong nông nghiệp – Dụng cụ thủy lực <i>Agricultural tractors -- Hydraulic pressure for implements</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 10448:1994	TCVN/TC 23 Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp	2022	2023			
736.		Máy kéo dùng trong nông nghiệp – Nối ba khớp – Phần 1: Nối dạng U <i>Agricultural wheeled tractors -- Three-point hitch couplers -- Part 1: U-frame coupler</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 11001-1:2016	TCVN/TC 23 Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp	2022	2023			
737.		Máy kéo dùng trong nông nghiệp – Nối ba khớp – Phần 2: Nối dạng A <i>Agricultural wheeled tractors and implements -- Three-point hitch couplers -- Part 2: A-frame coupler</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 11001-2:2009	TCVN/TC 23 Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp	2022	2023			
738.		Máy kéo dùng trong nông nghiệp – Nối ba khớp – Phần 3: Nối dạng khớp <i>Agricultural wheeled tractors and implements -- Three-point hitch couplers -- Part 3: Link coupler</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 11001-3:2009	TCVN/TC 23 Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
739.		Máy kéo dùng trong nông nghiệp – Nối ba khớp – Phần 4: Nối dạng thanh <i>Agricultural wheeled tractors and implements -- Three-point hitch couplers -- Part 4: Bar coupler</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 11001-4:1994	TCVN/TC 23 Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp	2022	2023			
Đánh giá sự phù hợp									
740.		Hệ thống quản lý năng lượng – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng	Soát xét TCVN ISO 50003:2016 Chấp nhận ISO 50003:2021	TCVN/CASCO Đánh giá sự phù hợp	2022	2023			
741.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung về dấu phù hợp bên thứ ba	Soát xét TCVN ISO 17030:2009 Chấp nhận ISO/IEC 17030:2021	TCVN/CASCO Đánh giá sự phù hợp	2022	2023			
742.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý – Phần 8: Yêu cầu về năng lực đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý phát triển cộng đồng bền vững	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/IEC 17021-8:2019	TCVN/CASCO Đánh giá sự phù hợp	2022	2023			
743.		Đánh giá sự phù hợp – Hướng dẫn và ví dụ về chương trình chứng nhận quá trình	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/IEC TR 17032:2019	TCVN/CASCO Đánh giá sự phù hợp	2022	2023			
744.		Công bố về đạo đức và thông tin hỗ trợ – Các nguyên tắc và yêu cầu	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/IEC 17033:2019	TCVN/CASCO Đánh giá sự phù hợp	2022	2023			
Quản lý đổi mới									
745.		Quản lý đổi mới – Cơ sở và từ vựng	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 56000:2020	TCVN/TC 279 Quản lý đổi mới	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
746.		Quản lý đổi mới – Công cụ và phương pháp cho đối tác đổi mới – Hướng dẫn	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 56003:2019	TCVN/TC 279 Quản lý đổi mới	2022	2023			
747.		Đánh giá quản lý đổi mới – Hướng dẫn	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/TR 56004:2019	TCVN/TC 279 Quản lý đổi mới	2022	2023			
748.		Quản lý đổi mới – Công cụ và phương pháp cho quản lý tài sản trí tuệ – Hướng dẫn	Xây dựng mới Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 56005:2020	TCVN/TC 279 Quản lý đổi mới	2022	2023			
Hệ thống quản lý									
749.		An ninh và khả năng thích ứng – Hệ thống quản lý tính liên tục trong kinh doanh – Các yêu cầu	Soát xét TCVN ISO 22301:2018 Chấp nhận ISO 22301:2019	TCVN/TC 176 Quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng	2022	2023			
750.		An ninh và khả năng thích ứng – Cơ sở và từ vựng	Soát xét TCVN ISO 22300:2018 Chấp nhận ISO 22300:2021	TCVN/TC 176 Quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng	2022	2023			
Sản phẩm dầu mỡ									
751.		Sản phẩm dầu mỡ - Mỡ bôi trơn – Lấy mẫu <i>Petroleum products — Lubricating greases — Sampling of greases</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 23572:2020	TCVN/TC 28 Sản phẩm dầu mỡ và chất bôi trơn	2022	2023			
752.		Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) – Họ C (cơ cấu truyền động) – Phần 1: Quy định kỹ thuật đối với chất bôi trơn dùng cho hệ thống truyền động kín <i>Lubricants, industrial oils and</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 12925-1:2018 và ISO 12925-1:2018/Amd 1:2020	TCVN/TC 28 Sản phẩm dầu mỡ và chất bôi trơn	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>related products (class L) — Family C (gears) — Part 1: Specifications for lubricants for enclosed gear systems</i>							
753.		Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) – Họ C (cơ cấu truyền động) – Phần 2: Quy định kỹ thuật đối với các cấp CKH, CKJ và CKM (chất bôi trơn dùng cho hệ thống truyền động mở và bán kín) <i>Lubricants, industrial oils and related products (class L) — Family C (gears) — Part 2: Specifications of categories CKH, CKJ and CKM (lubricants open and semi-enclosed gear systems)</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 12925-2:2020	TCVN/TC 28 Sản phẩm dầu mỏ và chất bôi trơn	2022	2023			
754.		Năng lượng chất lỏng thủy lực – Chất lỏng chống cháy (FR) – Yêu cầu và hướng dẫn sử dụng <i>Hydraulic fluid power — Fire-resistant (FR) fluids — Requirements and guidelines for use</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 7745:2010	TCVN/TC 28 Sản phẩm dầu mỏ và chất bôi trơn	2022	2023			
Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm									
755.		Nguyên tắc chung đối với vệ sinh thực phẩm (HACCP) <i>General principles of food hygiene</i>	Soát xét TCVN 5603:2008 (CAC/RCP 1-1969, Rev.4-2003)	TCVN/TC/F3 <i>Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm</i>	2022	2023			
756.		Chương trình tiên quyết về an toàn thực phẩm – Phần 5: Vận chuyển và bảo quản	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 22002-5:2019	TCVN/TC/F3 <i>Nguyên tắc chung về vệ sinh</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Prerequisite programmes on food safety – Part 5: Transport and storage</i>		<i>thực phẩm</i>					
757.		Trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững – Hướng dẫn áp dụng TCVN ISO 26000:2010 trong chuỗi thực phẩm <i>Sustainable development and social responsibility – Guidance for using ISO 26000:2010 in the food chain</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 26030:2019	TCVN/TC/F3 <i>Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm</i>	2022	2023			
758.		Định nghĩa và tiêu chí kỹ thuật đối với thực phẩm và thành phần thực phẩm thích hợp với người ăn chay, ăn thuần chay và đối với việc ghi nhãn và công bố thực phẩm chay, thuần chay <i>Definitions and technical criteria for foods and food ingredients suitable for vegetarians or vegans and for labelling and claims</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 23662:2021	TCVN/TC/F3 <i>Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm</i>	2022	2023			
759.		Vệ sinh thực phẩm – Chế biến và phân phối đồ uống nóng – Yêu cầu vệ sinh và phép thử thời nhiễm <i>Food hygiene – Production and dispense of hot beverages from hot beverage appliances – Hygiene requirements, migration test</i>	Xây dựng mới Tham khảo EN 16889:2016	TCVN/TC/F3 <i>Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
Phương pháp truy xuất, phát hiện nguyên liệu động vật trong thực phẩm									
760.		Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 1: Phương pháp phát hiện ADN của bò <i>Molecular biomarker analysis – Detection of animal-derived materials in foodstuffs and feedstuffs by real-time PCR – Part 1: Bovine DNA detection method</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 20224-1:2020	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2022	2023			
761.		Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 2: Phương pháp phát hiện ADN của cừu <i>Molecular biomarker analysis – Detection of animal-derived materials in foodstuffs and feedstuffs by real-time PCR – Part 2: Ovine DNA detection method</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 20224-2:2020	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2022	2023			
762.		Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 3: Phương pháp phát hiện ADN của lợn <i>Molecular biomarker analysis –</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 20224-3:2020	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Detection of animal-derived materials in foodstuffs and feedstuffs by real-time PCR – Part 3: Porcine DNA detection method</i>							
763.		Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 4: Phương pháp phát hiện ADN của gà <i>Molecular biomarker analysis – Detection of animal-derived materials in foodstuffs and feedstuffs by real-time PCR – Part 4: Chicken DNA detection method</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 20224-4:2020	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2022	2023			
764.		Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phát hiện nguyên liệu động vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi bằng real-time PCR – Phần 5: Phương pháp phát hiện ADN của dê <i>Molecular biomarker analysis – Detection of animal-derived materials in foodstuffs and feedstuffs by real-time PCR – Part 5: Goat DNA detection method</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 20224-5:2020	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2022	2023			
765.		Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Phương pháp phân tích để phát hiện và xác định các loài động vật trong thực phẩm và sản phẩm thực phẩm (phương pháp dựa trên axit nucleic) – Định nghĩa và yêu cầu chung	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 20813:2019	TCVN/TC/F13 <i>Phương pháp phân tích và lấy mẫu</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Molecular biomarker analysis – Methods of analysis for the detection and identification of animal species in foods and food products (nucleic acid-based methods) – General requirements and definitions</i>							
Sản phẩm Chitosan và Peptide từ tôm									
766.		Sản phẩm Chitosan có nguồn gốc từ tôm – Các yêu cầu Chitosan from shrimp – Specification	Xây dựng mới Tham khảo tài liệu	TCVN/TC/F11 <i>Sản phẩm thủy sản</i>	2022	2023			
767.		Thức ăn chăn nuôi – Peptide thủy phân từ tôm Feeds – Peptide hydro from shrimp	Xây dựng mới Tham khảo tài liệu	TCVN/TC/F11 <i>Sản phẩm thủy sản</i>	2022	2023			
Đường và sản phẩm đường									
768.		Đường và sản phẩm đường – Xác định độ màu ở pH 7,0 của đường thô, đường nâu và xiro có màu <i>Sugar and sugar products – Determination of the solution colour of raw sugars, brown sugars and coloured syrups at pH 7.0</i>	Xây dựng mới Tham khảo ICUMSA Method GS1/3-7 (2011)	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			
769.		Đường và sản phẩm đường – Xác định hàm lượng sulfit trong các sản phẩm đường tinh luyện và đường nâu bằng phương pháp enzym <i>Sugar and sugar products – Determination of sulfite in refined</i>	Xây dựng mới Tham khảo ICUMSA Method GS2/3-35 (2011)	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>sugar products and brown sugars by enzymatic method</i>							
770.		Đường và sản phẩm đường – Xác định hàm lượng đường khử trong đường trắng và đường trắng đồn điền bằng phương pháp chuẩn độ Ofner cải biến <i>Sugar and sugar products – Determination of reducing sugars in white sugar and plantation white sugar by the modified Ofner titrimetric method</i>	Xây dựng mới Tham khảo ICUMSA Method GS2/9-6 (2011)	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			
771.		Đường và sản phẩm đường – Xác định hàm lượng đường khử trong đường tinh luyện – Phương pháp Knight và Allen EDTA (phương pháp chuẩn) <i>Sugar and sugar products – Determination of reducing sugars in refined sugar products – Knight and Allen EDTA method (reference method)</i>	Soát xét TCVN 6960:2001 (ICUMSA GS 2/3-5:1997)	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			
772.		Đường và sản phẩm đường – Xác định độ tro dẫn điện trong các sản phẩm đường tinh luyện và trong đường trắng đồn điền <i>Sugar and sugar products – Determination of conductivity ash in refined sugar products and in plantation white sugar</i>	Soát xét TCVN 7965:2008	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
773.		Đường và sản phẩm đường – Lấy mẫu đường tinh luyện để phân tích vi sinh vật <i>Sugar and sugar products – Sampling of refined sugar products for microbiological analyses</i>	Xây dựng mới Tham khảo ICUMSA Method GS2/3-42 (2002)	TCVN/TC/F18 <i>Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột</i>	2022	2023			
Xác thực nguồn gốc và truy xuất nguồn gốc sữa và sản phẩm sữa									
774.		Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa <i>Traceability – Requirements for supply chain of milk and milk products</i>	Xây dựng mới Tham khảo Guidance for Dairy Product, EU No 931/2011	TCVN/TC/F12 <i>Sữa và sản phẩm sữa</i>	2022	2023			
775.		Sữa, sản phẩm sữa, thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh và sản phẩm dinh dưỡng dành cho người lớn – Xác định thành phần axit béo – Phương pháp sắc kí khí mao quản <i>Milk, milk products, infant formula and adult nutritionals – Determination of fatty acids composition – Capillary gas chromatographic method</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 16958:2015	TCVN/TC/F12 <i>Sữa và sản phẩm sữa</i>	2022	2023			
776.		Sữa và sản phẩm sữa – Xác định hàm lượng đường – Phương pháp sắc ký trao đổi anion hiệu năng cao (HPAEC-PAD) <i>Milk and milk products –</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 22184:2021	TCVN/TC/F12 <i>Sữa và sản phẩm sữa</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Determination of the sugar contents – High performance anion exchange chromatographic method (HPAEC-PAD)</i>							
777.		Sữa, sản phẩm sữa và thức ăn công thức dành cho trẻ sơ sinh – Xác định hàm lượng melamine và axit xyanuric bằng sắc kí lỏng-khối phổ hai lần (LC-MS/MS) <i>Milk, milk products and infant formula – Determination of melamine and cyanuric acid by liquid chromatography and tandem mass spectrometry (LC-MS/MS)</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 23970:2021	TCVN/TC/F12 <i>Sữa và sản phẩm sữa</i>	2022	2023			
Cà phê và sản phẩm cà phê									
778.		Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng cà phê nhân <i>Traceability – Requirements for supply chain of green coffee</i>	Xây dựng mới Tham khảo UNIDO- Traceability in the Green Coffee Supply Chain	TCVN/TC/F16 <i>Cà phê và sản phẩm cà phê</i>	2022	2023			
779.		Cà phê và sản phẩm cà phê – Xác định hàm lượng 16-O-methyl cafestol trong cà phê rang – Phương pháp HPLC <i>Coffee and coffee products – Determination of 16-O-methyl cafestol content of roasted coffee – HPLC-method</i>	Xây dựng mới Tham khảo DIN 10779:2011	TCVN/TC/F16 <i>Cà phê và sản phẩm cà phê</i>	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
780.		Cà phê và sản phẩm cà phê – Xác định acrylamide – Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao-khối phổ hai lần (HPLC-MS/MS) và sắc kí khí-khối phổ (GC-MS) sau khi tạo dẫn xuất <i>Coffee and coffee products – Determination of acrylamide – Methods using HPLC-MS/MS and GC-MS after derivatization</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 18862:2016	TCVN/TC/F16 <i>Cà phê và sản phẩm cà phê</i>	2022	2023			
781.		Chất chiết cà phê – Xác định hàm lượng chất khô trong chất chiết cà phê – Phương pháp sử dụng cát biển đối với chất chiết cà phê dạng lỏng và dạng sệt <i>Coffee extracts – Determination of the dry matter content of coffee extracts – Sea sand method of liquid or pasty coffee extracts</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 22994:2021	TCVN/TC/F16 <i>Cà phê và sản phẩm cà phê</i>	2022	2023			
782.		Cà phê và sản phẩm cà phê – Xác định cỡ hạt của cà phê bột <i>Coffee and coffee products – Determination of particle size of ground roasted coffee</i>	Xây dựng mới Tham khảo DIN 10765:2016	TCVN/TC/F16 <i>Cà phê và sản phẩm cà phê</i>	2022	2023			
Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế									
783.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 1: Đánh giá và thử nghiệm trong phạm vi một quá trình quản lý rủi ro	Soát xét TCVN 7391-1:2004 (ISO 10993-1:2002)	TCVN/TC194 Đánh giá sinh học và lâm sàng trang thiết bị y	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>Biological evaluation of medical devices - Part 1: Evaluation and testing within a risk management process</i>		tế					
784.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 9: Khung nhận dạng và định lượng sản phẩm phân hủy tiềm ẩn <i>Biological evaluation of medical devices -- Part 9: Framework for identification and quantification of potential degradation products</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 10993-9:2019	TCVN/TC194 Đánh giá sinh học và lâm sàng trang thiết bị y tế	2022	2023			
785.		Đánh giá sinh học đối với trang thiết bị y tế - Phần 12: Chuẩn bị mẫu và vật liệu chuẩn <i>Biological evaluation of medical devices — Part 12: Sample preparation and reference materials</i>	Soát xét TCVN 7391-12:2007 (ISO 10993-12:2002)	TCVN/TC194 Đánh giá sinh học và lâm sàng trang thiết bị y tế	2022	2023			
786.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 13: Nhận dạng và định lượng sản phẩm phân hủy từ trang thiết bị y tế cao phân tử <i>Biological evaluation of medical devices -- Part 13: Identification and quantification of degradation products from polymeric medical devices</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 10993-13:2010	TCVN/TC194 Đánh giá sinh học và lâm sàng trang thiết bị y tế	2022	2023			
787.		Đánh giá sinh học đối với trang thiết bị y tế - Phần 15: Nhận dạng	Soát xét TCVN 7391-15:2007	TCVN/TC194 Đánh giá sinh	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		và định lượng sản phẩm phân huỷ từ kim loại và hợp kim <i>Biological evaluation of medical devices — Part 15: Identification and quantification of degradation products from metals and alloys</i>	(ISO 10993-15:2000)	học và lâm sàng trang thiết bị y tế					
788.		Đánh giá sinh học đối với trang thiết bị y tế - Phần 18: Đặc trưng hoá học của vật liệu <i>Biological evaluation of medical devices — Part 18: Chemical characterization of medical device materials within a risk management process</i>	Soát xét TCVN 7391-18:2007 (ISO 10993-18:2005)	TCVN/TC194 Đánh giá sinh học và lâm sàng trang thiết bị y tế	2022	2023			
789.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 19: Đặc trưng hóa-lý, hình thái và cấu trúc của vật liệu <i>Biological evaluation of medical devices — Part 19: Physico-chemical, morphological and topographical characterization of materials</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO/TS 10993-19:2020	TCVN/TC194 Đánh giá sinh học và lâm sàng trang thiết bị y tế	2022	2023			
Sản phẩm gỗ									
790.		Tấm trang trí bằng gỗ xốp – Yêu cầu kỹ thuật <i>Cork decorative panels — Specification</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 8724:2009	TCVN/TC89 Ván gỗ nhân tạo	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
791.		Vật liệu phủ sàn đàn hồi – Tấm phủ sàn bằng gỗ xộp – Yêu cầu kỹ thuật <i>Resilient floor coverings – Cork floor tiles – Specification</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 3813:2004	TCVN/TC89 Ván gỗ nhân tạo	2022	2023			
792.		Vật liệu phủ sàn đàn hồi – Xác định khối lượng riêng biểu kiến của gỗ xộp composite <i>Resilient floor coverings - Determination of apparent density of composition cork</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 3850:2004	TCVN/TC89 Ván gỗ nhân tạo	2022	2023			
793.		Tấm phủ sàn bằng gỗ xộp composite – Phương pháp thử <i>Floor tiles of agglomerated cork – Methods of test</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 3810:1987	TCVN/TC89 Ván gỗ nhân tạo	2022	2023			
794.		Vật liệu phủ sàn đàn hồi – Xác định độ ẩm của gỗ xộp composite <i>Resilient floor coverings – Determination of moisture content of agglomerated composition cork</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 2066:2004	TCVN/TC89 Ván gỗ nhân tạo	2022	2023			
Cao su và sản phẩm cao su									
795.		Ống và hệ ống cao su - Loại thủy lực gia cường sợi thủy tinh dùng cho chất lỏng gốc dầu hoặc gốc nước – Quy định kỹ thuật <i>Rubber hoses and hose assemblies – Wire-braid-reinforced hydraulic types for oil-based or water-based fluids – Specification</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 1436:2020	TCVN/TC 45 Cao su và sản phẩm cao su	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
796.		Ống và hệ ống cao su - Loại thủy lực gia cường sợi dệt dùng cho chất lỏng gốc dầu hoặc gốc nước – Quy định kỹ thuật <i>Rubber hoses and hose assemblies — Textile-reinforced hydraulic types for oil-based or water-based fluids — Specification</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 4079:2020	TCVN/TC 45 Cao su và sản phẩm cao su	2022	2023			
797.		Ống và hệ ống cao su dùng cho hơi nước bão hòa – Quy định kỹ thuật <i>Rubber hoses and hose assemblies for saturated steam — Specification</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 6134:2017	TCVN/TC 45 Cao su và sản phẩm cao su	2022	2023			
798.		Ống và hệ ống cao su dùng để hút và xả dầu – Quy định kỹ thuật <i>Rubber hose and hose assemblies for oil suction and discharge service — Specification</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 1823:2015	TCVN/TC 45 Cao su và sản phẩm cao su	2022	2023			
799.		Ống và hệ ống dẫn đầu vào bằng cao su và chất dẻo dùng cho máy giặt và máy rửa bát – Quy định kỹ thuật <i>Rubber and plastics inlet hoses and hose assemblies for washing-machines and dishwashers — Specification</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 6804:2016	TCVN/TC 45 Cao su và sản phẩm cao su	2022	2023			
800.		Ống và hệ ống cao su dẫn khí dầu mỏ hóa lỏng dùng cho xe có động cơ – Quy định kỹ thuật <i>Rubber hoses and hose assemblies</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 8789:2020	TCVN/TC 45 Cao su và sản phẩm cao su	2022	2023			

TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Chi chú
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		<i>for liquefied petroleum gas in motor vehicles — Specification</i>							
801.		Ống và hệ ống cao su dùng cho hệ thống trợ lực lái ô tô – Quy định kỹ thuật <i>Rubber hoses and hose assemblies for automobile power-steering systems — Specification</i>	Xây dựng mới Chấp nhận ISO 11425:2018	TCVN/TC 45 Cao su và sản phẩm cao su	2022	2023			

Chú thích: Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch có thể được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.